

Hai bản luật xưa của dòng Mến Thánh Giá

- 1998 -

Tập tài liệu này được trình bày như sau :

[Chương 1 : Bản luật năm 1670 \(dịch từ bản tiếng Pháp\).](#)

[Chương 2 : Bản luật thế kỷ 18 \(bản quốc ngữ viết tay do Carolus Cao ký\).](#)

[Chương 3 : So sánh và nhận xét hai bản luật trên.](#)

[Chương 4 : Tu đức học dòng Mến Thánh Giá.](#)

[Lời cuối : Tinh thần và tổ chức.](#)

Tựa

Dòng Mến Thánh Giá đầu tiên được thành lập vào năm 1670 tại miền Bắc Việt Nam.

Từ ngày đó cho tới nay đã có trên 300 năm lịch sử với muôn vàn thay đổi : xã hội thay đổi, lịch sử thế giới thay đổi, đất nước Việt Nam thay đổi, tâm lý và não trạng con người thay đổi, Giáo Hội thay đổi, luật dòng Mến Thánh Giá thay đổi...

Cuộc sống tựa như dòng nước luôn trôi đi, trôi đi, đổi mới như không ngừng.

Con nước thì thay thay đổi đổi, nhưng nguồn nước thì vẫn chỉ là một, như cũ, không hề thay đổi.

Dòng Mến Thánh Giá cũng như một con suối nước, có nguồn và có dòng. Có cái gì đó thay đổi và có cái gì đó không bao giờ thay đổi. Chính nhờ cái «không bao giờ thay đổi» đó, dòng Mến Thánh Giá vẫn luôn là dòng Mến Thánh Giá mà không phải là một dòng nào khác. Nhưng cũng chính nhờ cái «thay thay đổi đổi» của dòng mà chị em nữ tu sống ơn gọi của mình trong hiện tại, chứng nhân cho Thiên Chúa sống động và gần gũi con người.

Cái nhìn trên của chúng tôi mang chút màu sắc triết lý Hy Lạp xa xưa, nhưng đó cũng chỉ là một cách nhìn sự việc như trăm nghìn cách nhìn nào khác. Sự việc vẫn là sự việc, cách nhìn hay cách diễn tả sự việc không thể thay đổi được sự việc. Chỉ mong cách nhìn cá biệt này được trung thực và lối diễn tả này được người khác thông hiểu, chia sẻ.

Tập tài liệu nhỏ mọn này sẽ là một cố gắng trình bày cái «thay thay đổi đổi» và cái gọi được là «bất biến» của dòng nữ Việt Nam đầu tiên : dòng Mến Thánh Giá. Thời gian lịch sử được chọn để chứng minh sự kiện trên là năm thành lập dòng 1670 đến cuối thế kỷ 18, vào những năm 1795-1805. Sự chọn lựa hoàn toàn chủ quan này có lý do rất đơn giản là đã lấy hai bản luật của dòng Mến Thánh Giá làm mấu chốt thời điểm : bản năm 1670 của đức cha Lambert de la Motte và bản cuối thế kỷ 18 do Carolus Cao ký.

Trong công việc nghiên cứu và nhận xét hai bản luật xưa của dòng Mến Thánh Giá, chúng tôi muốn nhắm tới những mục tiêu sau :

- Tìm hiểu tinh thần tu đức dòng Mến Thánh Giá, (tức là phần «bất biến» của dòng).
- Tìm hiểu sự thành lập, tổ chức và phát triển của dòng, (tức là phần thay đổi của nhà dòng).

Bác Ga

mùa Hạ 1998 ở xứ Tây.

&

Chương 1 Bản luật năm 1670



Lời giới thiệu

Năm 1669, đức cha Lambert de la Motte, hiệu toà Bêritê, giám quản địa phận Đàng Trong (tức Nam Việt Nam), từ Xiêm La (Thái Lan) sang thăm địa phận Đàng Ngoài (tức Bắc Việt Nam). Chính ở dịp này, ngài đã thành lập dòng nữ Việt Nam đầu tiên mà ngài cho tên gọi là «Dòng Mến Thánh Giá» vào năm 1670.

Bản luật cho dòng do ngài soạn ra (mà chúng tôi dịch ra tiếng Việt nơi đây) là nhờ linh mục thừa sai người Pháp Jacques de Bourges (thầy Gia) ghi lại, còn lưu giữ được trong kho thư văn của Hội Thừa Sai Paris : AMEP. tập 677, trang 115-186 + 175-176 hay AMEP. tập 677, trang 187-218 (Pháp ngữ).

Bản luật này cũng đã được sử gia Adrien Launey xuất bản trong cuốn «Histoire de la Mission du Tonkin. Documents historiques, tome I», Maisonneuve, Paris, 1928, trang 101-102.

Cuốn «Phép nhà chị em Mến Câu Rút Đức Chúa Giêsu» cũng đã xuất bản một phần bản luật này bằng tiếng quốc ngữ, (Kẻ Sờ, năm 1907, in lần thứ 2).

Rồi mới đây, bản luật trên cũng đã được dịch lại sang tiếng Việt và xuất bản trong : «Đức cha Phêrô Maria Lambert de la Motte, Đấng sáng lập dòng Mến thánh Giá» (Toà Tổng Giám Mục Tp Hồ Chí Minh, năm 1996).

Bản dịch của chúng tôi nơi đây được thực hiện với sự chấp thuận của Hội Thừa Sai Paris qua văn thư ngày 23.4.1998 của quản thủ Kho Thư Văn AMEP., linh mục Gérard Mousset.

Bản luật năm 1670

Lá thư luân lưu

Các chị em yêu mến,

Từ khi ta đến vương quốc này, một trong những điều bận tâm chính của ta là tìm hiểu rõ tình trạng Giáo Hội ở đây. Trong bản phúc trình người ta đem lại cho ta, ta vô cùng vui mừng hay biết được chúng con đã dâng mình cho Thiên Chúa qua một lời khấn riêng : vì sự dân thân này là một dấu hiệu nhiên của lòng nhân lành đặc biệt Thiên Chúa trên chúng con, nên sự thật chính đáng là chúng con phải biết ơn Thiên Chúa hơn các kẻ khác mà Thiên Chúa đã không ban ơn rất cao cả dường ấy. Trong chiều hướng khấn thiết trên, ta nghĩ là đề nghị cho chúng con một lối sống mà ta thấy là rất có ích cho vinh quang của Chúa.

Ta ban dạy cho chúng con lối sống ấy với rất nhiều tin tưởng; ta xác định với chúng con rằng từ lúc trước khi biết chúng con và cũng chưa hề bao giờ nghe nói đến chúng con, từ lâu lắm rồi, lòng ta đã được thúc đẩy là dựng nên luật lệ về lối sống ấy cho một số những tâm hồn được Thiên Chúa sủng ái cách đặc biệt. Vậy chúng con hãy đón nhận lấy lẽ luật ấy như từ Thiên Chúa mà đến hơn là do ta mà ra, và luôn luôn thâm tín rằng nếu chúng con theo con đường trọn lành ấy, chúng con sẽ đạt tới sự thông hiểu rất cao siêu và lòng yêu mến rất mật thiết với Chúa Giêsu Kitô, là điều chứa đựng mọi niềm hạnh phúc đời này và đời sau.

Hội Mến Thánh Giá Chúa Giêsu Kitô

Nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Bởi vì thánh ý của Thiên Chúa khi chết để cứu rỗi loài người là để đòi buộc con người phải chết cho chính mình mà chỉ sống cho duy mình Ngài, theo như giáo huấn của vị đại tông đồ dạy dân thành Côrintô : «Ngài đã chết vì mọi người, để ai sống thì đừng còn sống cho mình nữa, nhưng là cho Đấng đã chết và sống lại vì họ» (2 Cor. 5, 15).

Một vị chủ chăn phải có nhiệm vụ, đặc biệt trong một Giáo Hội sơ sinh, là làm cho hiểu chân lý trên vốn ít được biết đến nơi các Ki-tô hữu : chính trong chiều hướng ấy, sau nhiều năm trời tìm tòi những phương thế hồng đưa dẫn các tín hữu đến một công trình rất cao trọng như vậy, chúng

tôi cảm thấy mình được đưa đẩy đến việc tạo lập, tại các nơi thuộc sứ vụ thừa sai của chúng tôi, một Hội dòng các kẻ Mến Thánh Giá Chúa Giêsu Kitô mà lấy Thánh Giá Chúa làm việc suy niệm suốt cả đời mình cùng mỗi ngày thông phần vào các sự đau khổ của Chúa.

Một số tâm hồn đạo đức ở xứ Đàng Ngoài, từ lâu nay, đã dâng mình tuân giữ sự khiết tịnh và đã am hiểu chân lý trên. Họ tin rằng họ không thể tỏ ra lòng biết ơn Chúa ban cách nào hơn là gia nhập Hội dòng ấy. Và do lòng yêu mến Chúa Giêsu Kitô thúc đẩy, các tâm hồn này đã tỏ ra khao khát được biết điều họ có thể làm được hầu dâng hiến trọn vẹn cho việc phụng sự Chúa. Đó là con đường mà lòng nhân lành Thiên Chúa đã dùng để làm nền móng đầu tiên cho đời sống tu trì tại xứ Đàng Ngoài và xây dựng nên một Hội dòng riêng mang danh hiệu Mến Thánh Giá Con Thiên Chúa.

Mục đích của Hội dòng

Mục đích của Hội dòng này sẽ là hằng ngày làm việc suy niệm các sự thương khó của Chúa Giêsu Kitô, như phương thế hữu ích hơn cả hầu đạt tới sự cảm nghiệm và tình yêu Chúa.

Công tác trước hết của những người đã chấp nhận lối sống này là liên lý kết hợp những dòng nước mắt mình, những nguyện ngấm mình và những việc đền tội mình vào công nghiệp của Đấng Cứu Thế, hầu nài van Thiên Chúa ơn trở lại cho những kẻ ngoại giáo ở khắp ba địa phận thuộc các Giám quản Tông toà và đặc biệt là những dân ngoại xứ Đàng Ngoài.

Công tác thứ hai là dạy dỗ các thiếu nữ, Ki-tô hữu cũng như ngoại giáo, các điều mà những kẻ cùng phái phải biết. Nếu vì những việc khẩn thiết tại nơi có đạo mà không hoàn thành được công tác trên, các chị em cần nhớ rằng khi họ có thể thực hiện, thì đó là một trong những công việc căn bản của các chị em.

Công tác thứ ba : các chị em phải săn sóc các phụ nữ và thiếu nữ bệnh hoạn hoặc Ki-tô hữu hoặc dân ngoại, hầu dùng đường lối ấy mà dẫn giải họ các sự thuộc phần rỗi và việc trở lại của họ.

Công tác thứ tư : các chị em phải lo lắng rửa tội, trong tình trạng cần thiết, các trẻ nhỏ bị nguy cơ chết mất trước khi được lãnh nhận bí tích Thánh tẩy.

Công tác thứ năm sẽ là làm hết sức mình hầu lôi kéo các phụ nữ và thiếu nữ buông thả ra khỏi đời sống xấu xa của họ.

Các luật lệ

Điều thứ nhất

Ai là kẻ thấy mình được gọi vào Hội dòng này phải làm ba lời khấn quen thuộc là khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời, và chỉ được chấp nhận sau hai năm thử luyện.

Điều thứ hai

Trong mỗi nhà, vào lúc này, các chị em không thể vượt quá con số là mười người, kể cả chị Bề Trên.

Điều thứ ba

Chị Bề Trên và các chị có trách nhiệm khác sẽ được chọn lựa bởi chúng tôi hay vị tổng đại diện của chúng tôi, sau khi đã được ý kiến của ban quản nhiệm tỉnh hạt nơi các chị em ở.

Điều thứ bốn

Các chị em, về vấn đề vật chất, sẽ tùy thuộc vào vị quản nhiệm tỉnh hạt là kẻ mà các chị em nằm ở dưới quyền cai quản và các chị em hằng năm phải phúc trình tài sản vật chất cho vị quản nhiệm tỉnh hạt nói trên.

Điều thứ năm

Các chị em được miễn khỏi giữ luật nội cấm do sự bó buộc đặc biệt là các chị em cần chuyên tâm vào việc rỗi linh hồn của tha nhân theo thể lệ Hội dòng của mình. Bởi đó, các chị em khi ra khỏi

nhà, vì mục tiêu trên, phải có phép của chị Bề Trên mình, và chị Bề Trên luôn luôn phải cho một người khác đi cùng chị em đến nơi mà chị em được sai đến.

Điều thứ sáu

Tất cả các chị em phải lo làm việc chân tay vào những giờ không phải lo việc phục vụ tha nhân, trừ ra các ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc. Vào các ngày nói trên, các chị em sẽ lần hạt mân côi Đức Bà và nghe sách thiêng liêng một nửa giờ đồng hồ, hoặc là về hạnh các thánh, hoặc là về một sách thiêng liêng nào khác.

Điều thứ bảy

Các chị em sẽ đi nghỉ vào lối chín giờ rưỡi tối và dùng một khắc đồng hồ để xét mình về các hành vi trong ngày và một khắc đồng hồ đọc kinh lớn tiếng; sau đó, các chị em đi ngủ.

Điều thứ tám

Các chị em sẽ dậy vào bốn giờ sáng để làm việc nguyện ngắm, bắt đầu bằng các kinh mà cộng đoàn các giáo dân vẫn đọc các ngày Chúa Nhật. Sau đó, các chị em làm một giờ suy niệm về một trong các đề tài đã được soạn ra về cuộc Thương khó và Tử nạn của Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta. Bài suy niệm sẽ được chị Bề Trên hay chị nào giữ thay chỗ Bề Trên đọc. Tiếp theo, các chị em sẽ đọc kinh Cầu các thánh, kinh Cáo mình, kinh Thương xót; sau đó, đọc câu xướng «Lạy Chúa Kitô đã vì chúng con mà làm người cùng vâng lời cho đến chết, mà chết trên cây Thánh giá». Các chị em sẽ lập lại câu xướng ấy sau kinh Vực sâu; trong lúc đọc câu xướng và lời nguyện «Xin Chúa đoái nghe», phải đánh tội mà suy tưởng trong lòng các khổ hình mà Con Thiên Chúa đã phải lãnh chịu, cùng dâng sự hy sinh nhỏ mọn ấy cho mục tiêu và thánh ý Chúa khi Người chịu các khổ hình và Ngài cũng muốn chúng ta cùng có chung một mục tiêu và một ý định như Ngài. Thân hoặc, nếu vì một lý do nào đó khiến không thể làm việc hy sinh trên chung với nhau hay là cùng một cách thức như vậy, các chị em cần làm thay cho trọn việc buộc ấy bằng cách mang trên mình một dây xích sắt nào đó hoặc thực hiện một việc hãm mình nào khác theo lời dạy của cha giải tội các chị em là người sẽ thay thế được phép luật nói trên.

Điều thứ chín

Vào ngày Chúa nhật Lễ Lá cùng bốn ngày tiếp theo, các chị em phải làm gấp đôi việc hãm mình thường nhật đó; vào ngày thứ Sáu tuần Thánh, phải làm gấp ba lần để tôn kính ngày thánh của cuộc Thương khó và nhất là ngày Tử nạn của Con Thiên Chúa.

Điều thứ mười

Các ngày lễ Cắt Bì, lễ Tìm thấy Thánh Giá và lễ Tôn vinh Thánh Giá sẽ là những ngày được tôn kính riêng của các chị em.

Điều thứ mười một

Các chị em chỉ dùng hai bữa ăn mỗi ngày : một bữa vào ban sáng và một bữa vào ban chiều và kiêng thịt suốt đời, trừ ra các ngày lễ Giáng Sinh, Phục Sinh và Hiện Xuống.

Điều thứ mười hai

Các chị em sẽ ăn chay các ngày thứ sáu để tưởng niệm những khổ hình và sự chết của Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta. Vào các ngày thứ sáu cùng các ngày ăn chay, các chị em không được ăn gì trước 10 giờ sáng.

Điều thứ mười ba

Các phụ nữ và các thiếu nữ tội lỗi hối cải mà muốn theo Hội dòng thì cũng giữ những mục đích, những công tác, những bó buộc và những phép tắc như các chị em; nhưng họ phải làm một ngôi

nhà và một cộng đoàn tách biệt ra. Và chị Bê Trên của họ luôn luôn phải được lấy trong số những người không hề sai phạm.

Điều thứ mười bốn

Thánh quan thầy của Hội dòng sẽ luôn luôn là Thánh cả Giuse mà nhờ người bầu cử để xin Thiên Chúa cho được sự thành lập, sự phát triển và sự hoàn thiện hóa Hội dòng.

Các Quy Chế này đã được đặt ra do chúng tôi là Giám mục Bérytê, Giám quản Tông tòa, cho các phụ nữ và thiếu nữ đạo đức và tội lỗi, là những người từ lâu đã khẩn giữ khiết tịnh hoặc sẽ khẩn sau này trong xứ Đàng Ngoài và ở các nơi khác thuộc ba địa phận Tông tòa Trung Hoa.

Các Quy Chế này, chúng tôi xin đặt dưới sự thẩm định và duyệt xét của Tòa thánh là đáng duy nhất có quyền chuẩn nhận hoặc bác bỏ các tổ chức tương tự.

Làm tại xứ Đàng Ngoài, ngày... tháng hai năm 1670.

Bản dịch của Bác Ga, tháng 2.98.

&

Chương 2 Bản luật thế kỷ 18

<<<<<

Lời giới thiệu

Bản quốc ngữ viết tay «Sách phép dòng chị em mến Cậu rút Đức Chúa Jêsu» mà chúng tôi tìm được và giới thiệu nơi đây, chỉ thấy ghi ở trang cuối mấy chữ «Carolus Cao ký», không thấy ghi ngày tháng hay một chi tiết nào khác hơn khả dĩ giúp chúng ta biết được rõ ràng về nguồn gốc bản văn này. «Ký» đây nghĩa là gì ? Người ký là người viết lại, hay là tác giả ? - Và nhân vật mang tên «Carolus Cao» là ai ? Một thừa sai Pháp, một linh mục Việt Nam hay một thầy giảng xứ Đàng Ngoài (Bắc Việt) ? vân vân ?

Theo sự tìm hiểu của chúng tôi, Carolus Cao ở đây không ai khác hơn là linh mục thừa sai người Pháp Charles-François LANGLOIS sang làm việc tại địa phận Tây Đàng Ngoài thời giám mục Jacques-Benjamin LONGER.

Trước khi giới thiệu Carolus Cao, tưởng cũng cần biết sơ qua về giám mục Longer đôi chút.

Đức cha Jacques-Benjamin Longer, mà tên Việt là Gia hay Ja : ngài sinh ngày 31.5.1752 tại thành phố Havre (Pháp), chịu chức linh mục trong Hội Thừa Sai Paris ngày 23.9.1775. Năm 1777, ngài sang xứ Đàng Trong rao giảng Phúc Âm. Ngày 3.4.1787, Toà thánh chọn ngài làm giám mục hiệu toà Gortyne, nhưng sắc lệnh của Toà thánh chỉ đến tay ngài vào ngày 10.12.1790, và mãi đến ngày 30.9.1792 ngài mới đến được Macao để được tấn phong giám mục từ tay đức cha Marc da Silva.

Từ Macao, ngài về nhậm nhiệm sở là địa phận Tây Đàng Ngoài vào năm sau đó.

Tháng 10 năm 1795, ngài hội một công đồng tại Kẻ Vĩnh. Công đồng này đã ra «11 phép cho dòng Mến Cậu Rút» (in trong sách «Phép nhà chị em Mến Cậu Rút Đức Chúa Jêsu», Kẻ Sở 1907, trang 34).

Ngoài ra, ngày nay chúng ta còn giữ được một lá thư của ngài viết năm 1792 cho các nữ tu Mến Thánh Giá trước ngày ngài sang Macao chịu chức giám mục : bài «Khuyến người nhà mụ» (đăng trong quyển «Sách thuật lại các thư chung Địa phận Tây Đàng Ngoài», in tại Kẻ Sở năm 1908, trang 271-275).

Điểm đặc biệt khác trong thời ngài là nhà in Kẻ Vĩnh ra đời. Sách đầu tiên được in tại đây là do ngài soạn : «Sách Thánh Giáo Yếu Lý» (năm 1802).

Ngài qua đời tại Kẻ Vĩnh ngày 8.2.1831, thọ 79 tuổi.

Phải thành thật mà nhìn nhận rằng ngài đã đóng góp rất nhiều vào lịch sử dòng Mến Thánh Giá thời kỳ cuối thế kỷ 18 sang đầu thế kỷ 19.

Năm 1792, ngài đã tiếp đón tại địa phận mình một linh mục trẻ từ Pháp sang : cha Carolus Cao.

Cha Carolus Cao tên sinh là Charles-François Langlois, (Charles = Carolus), chào đời tại thành phố Rennes nước Pháp ngày 14.9.1767, chịu chức linh mục ngày 25.9.1791 và rời nước Pháp sang xứ Đàng Ngoài ngày 29.1.1792.

Tại Đàng Ngoài, ngài lấy tên Việt là Cao và tham dự công đồng Kẻ Vĩnh năm 1795.

Năm 1805, được đề cử về Pháp, ngài rời Đàng Ngoài mà không bao giờ còn có dịp trở lại nữa.

Năm 1823, ngài được bầu làm bề trên Hội Thừa Sai Paris và được tái cử nhiều lần cho đến khi qua đời ngày 13.1.1851 tại Paris, thọ 84 tuổi.

Ngài là một bề trên rất tài giỏi trong lịch sử Hội Thừa Sai Paris. Riêng đối với dòng Mến Thánh Giá, bản luật viết bằng chữ quốc ngữ mang tên ngài còn lưu lại đã là một điều thật vô cùng quý hoá cho lịch sử dòng Mến Thánh Giá rồi.

Chúng tôi không nghĩ là do ngài tự ý viết ra, vì luật lệ dòng thì thuộc thẩm quyền giám mục Longer; nhưng có thể là giám mục đã trao cho ngài soạn thảo, cùng với sự trợ lực của các linh mục và thầy giảng Việt Nam, do đó mới có chữ «Carolus Cao ký». Cũng rất có thể rằng ngài không phải là người soạn bản luật này, nhưng chỉ là người viết lại bản luật này là bản đã lưu dụng từ lâu tại địa phận Đàng Ngoài.

Bản luật này (đúng hơn, bản viết tay này) đã được viết vào năm nào ?

- Rất có thể là vào thời trước công đồng Kẻ Vĩnh năm 1795, vì không thấy ghi lại «11 phép Công Đồng Kẻ Vĩnh ra cho dòng Mến Câu Rút». Nhưng cũng có thể sau đó, vì cha Carolus Cao phải có thời gian để thông thạo tiếng Việt và chữ quốc ngữ nữa. Dù sao, chúng ta vẫn có thể tin rằng bản viết đã được hoàn thành trước khi tác giả trở về Pháp năm 1805, và ngay cả trước khi nhà in Kẻ Vĩnh của giám mục Longer hoạt động, tức từ năm 1802 trở đi, và chắc chắn là có sự cộng tác của các linh mục hoặc thầy giảng Việt Nam như thói quen các thừa sai người Pháp thời đó tại địa phận Tây Đàng Ngoài.

6 quy luật sao chép

Việc sao chép lại bản văn quốc ngữ xưa nơi đây được thực hiện theo 6 quy luật sau :

- 1, Các dấu giọng (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng) và chữ quốc ngữ được trình bày theo kiểu viết ngày nay. Thí dụ : «Nguyện ngắm traõ làõ» = «Nguyện ngắm trong lòng».
- 2, Viết lại trọn chữ các chữ viết tắt. Thí dụ : «ĐCB, hl.» = «Đức Chúa Trời, hay là».
- 3, Giữ lại cách phát âm cổ, khi nào có thể giữ lại được : «chiềng, gười, nhời, vuồi, đều ...» (trình, gửi, lời, vớ, điều...). (Trái lại : «blời, lầy... = trời, lỗi...»).
- 4, Trong trường hợp cần thiết, chúng tôi thêm các dấu chấm câu và viết hoa vào bản văn nguyên thủy, hay xuống dòng, hầu câu văn được rõ nghĩa hơn.
- 5, Những chữ trong ngoặc đơn () và viết nghiêng là những chữ chúng tôi tự thêm vào nguyên bản cho rõ nghĩa câu văn.
- 6, Gặp một chữ đọc không ra (illisible) hay một chữ bị mờ đi hoặc rách mất (lacune) trên nguyên bản, chúng tôi sẽ ghi một dấu (?).

Những chữ cần giải thích trong «Sách phép dòng chị em Mến Câu Rút Đức Chúa Jêsu» do Carolus Cao ký (theo thứ tự ABC) :

1. An Nam : Việt Nam
2. Angiô : Thiên Thần
3. Apostolicô : Tông toà
4. Bảo-lộc : Phao-lô
5. Bêrita : Bérythe
6. Carolus : Carôlô

7. Câu Rút : Thánh giá
8. Chì á : Phó bề trên nhà dòng
9. Chúa Dêu : Chúa trời
10. Gêralê : Tổng
11. Mụ : Bề trên nhà dòng
12. Nín : muốn
13. Đại minh : Trung Hoa
14. Papa, hay, Phapha : Giáo hoàng
15. Phatêrê : Linh mục
16. Phiritô Sanctô : Đức Chúa Thánh Thần (= Spiritô Sanctô)
17. Rình sinh thì : sắp chết
18. Sacerdoti, Sacerdotê : linh mục địa phận
19. Spiritô Sanctô : Đức Chúa Thánh Thần
20. Thánh Ylêna : Thánh Hêlêna tìm ra Thánh Giá
21. Thầy cả : linh mục
22. Viaticum : Minh thánh Chúa cho kẻ liệt, Cửa ăn đàng
23. Vicariô : Giám quản, hay, Đại diện
24. Vít-vô : Giám mục
25. Yếm : áo lót phụ nữ Việt Nam ngày xưa

Sách phép dòng chị em mến Câu rút Đức Chúa Jêsu (AMEP., volume 1154)

Phatêrê Phêrô Lam-bê-ri vít-vô Bêrita vicariô apostolicô thay mặt toà thánh coi sóc về phần linh hồn bốn đạo Annam, Đại minh cùng nhiều nước khác, gười nhời thăm chị em cùng làm dấu cầu cùng Đức Chúa Trời cho chị em được mọi sự lành. Từ ngày thầy sang nước Annam này, thì thầy một hỏi các sự về thánh Ighêrêja này, và lấy việc ấy làm nhất. Thấy thầy cả Vicariô gêralê đã thừa ta là sự chị em đã có nhời riêng khẩn cùng Đức Chúa Trời giữ mình sạch sẽ trọn đời, thì thầy mừng rỡ trọn bội phần, vì khẩn nhời trọng làm vậy, là dấu thật Đức Chúa Trời có thương yêu các chị em, hơn bốn đạo nữ khác. Ất là chị em phải tạ ơn trả nghĩa Đức Chúa Trời, hơn những người chữa được ơn trọng ấy. Nhân vì sự trọng ấy, thầy phải liệu mở cho chị em một đàng nào, cùng dạy phải giữ phép nào để cho danh Cha cả sáng, và chị em được nhiều ích nữa. Mà thầy dạy chị em giữ phép này, thì thầy vui lòng lắm, vì khi trước chữa có nghe thấy ai nói đến chị em, cùng chữa biết chị em là ai, mà Đức Chúa Trời đã giục lòng thầy mở đàng cho kẻ Đức Chúa Trời yêu dấu lắm. Vậy chị em hãy chịu lấy cùng giữ phép này như phép Đức Chúa Trời dạy thầy truyền cho chị em vậy. Chớ xem chớ kẻ phép này như phép riêng thầy làm chi. Nếu chị em giữ phép này nên một được sáng láng kính mến Đức Chúa Trời lắm, là 2 sự gồm hết mọi sự lành, và đời này, và đời sau, chớ hồ nghi điều ấy làm chi.

Đoạn 1. Đã phải lập dòng này vì ý nào.

Đức Chúa Jêsu chuộc tội chịu nạn chịu chết cho loài người ta, phá ý riêng mình, gọi là chết cho mình, mà sống cho Đức Chúa Jêsu, nghĩa là theo Đức Chúa Jêsu liên, như nhời ông thánh Bảo Lộc trong thư thứ 2 người gười cho bốn đạo ở thành Côrinthiô rằng : đoạn thứ 5 rằng : Đức Chúa Trời đã chịu chết cho cả và loài người ta, để cho kẻ sống chớ sống cho mình nữa, một sống cho kẻ đã chết cùng kẻ đã sống vì mình, là Đức Chúa Jêsu.

Đáng làm thầy cả vít-vô chăn bốn đạo là thánh Ighêrêja mới lập, thì cũng phải dạy dỗ bốn đạo cho biết lẽ ấy, xưa nay chữa có ai biết mấy. Nhân vì sự ấy lâu năm trước này, ta đã ước ao cùng tìm lẽ nào cho bốn đạo được chết cho mình, và chết và sống lại cho Đức Chúa Jêsu. Vậy chẳng biết bởi đâu, âu là bởi Đức Chúa Trời thấy trong lòng thầy ước ao cho được lập dòng nào ở khắp mọi nơi, Đức thánh Papa dạy ta giữ, gọi là dòng Kẻ Mến Câu Rút Đức Chúa Jêsu là kẻ mọi ngày mọi ngẫm sự thương khó Đức Chúa Trời, cùng mọi ngày mọi chịu lấy phần nào trong sự thương

khó ấy, là làm việc lành về nhân đức hãm mình. Những bổn đạo nữ đã lâu ở nước Annam đã khẩn cùng Đức Chúa Trời giữ mình sạch sẽ. Ta máng tin ấy, muốn cảm ơn Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời mở lòng cho khẩn những sự trọng ấy, cho nên lại xin cho được vào dòng ấy, cùng hỏi vì lẽ nào cho được phó cả và mình mà thờ phượng Đức Chúa Trời cho nên. Ấy là đàng Đức Chúa Trời đã mở ra cho nên phải lập dòng chị em tu hành ở nước Annam, dòng này đặt tên là dòng chị em Mến Câu Rút Đức Chúa Giêsu.

Đoạn thứ 2. Ý dòng này là ý nào.

Ý trong dòng này là ý cho kẻ vào dòng này, mọi ngày mọi biết tỏ cùng mến Đức Chúa Giêsu 1 ngày 1 hơn nữa, mà chính lẽ cho được 2 sự 3 trọng ấy là mọi ngày mọi ngắm sự thương khó Đức Chúa Giêsu, cùng mọi ngày mọi hãm mình là chịu sự gì khốn khó đến mình, chẳng khác gì như chịu phần sự thương khó Đức Chúa Giêsu vậy.

Đoạn thứ 3. Ai nên ai chẳng nên vào dòng này.

Hễ ai muốn vào dòng chị em, dù trẻ dù già, giàu có khó khăn, chẳng nề, đừng một kẻ còn mắc sự vợ chồng, chưa xong việc ấy, càng kẻ có thai nghén, hay là nuôi con mọn, cùng kẻ có nợ người ta mà chưa trả cho rồi, người ta còn đòi chữa tha, và kẻ có tật lầy. Ấy vậy ai nín vào dòng, thì phải xin 5, 3 tháng trước đã, cho mẹ cùng chị em được xét nét na người ấy, hoặc có mắc sự gì trọng trong những sự kể trước này, thì chẳng nên vào. Mẹ có nín cho ai vào dòng chị em thì phải liệu cho bằng lòng chị em, cùng phải chiêng đến thầy cả coi sóc đấy, cho người được thừa đến bề trên sự họ hàng, tuổi sức, tài năng, nét na, và mọi sự về người xin vào dòng cho được liệu. Mẹ cũng phải bảo người ấy các phép trong nhà chị em, phải cứ thói ăn thói ở cùng mọi sự khó khác, và mọi lẽ hãm mình, kẻ vào dòng này phải chịu, cùng dạy kẻ ấy phải tập tành các việc lành ấy đã như thử mình vậy, xem có chịu được hay là chẳng, thì mới nên cho vào, cùng khi đã cho ai vào, thì mẹ càng phải ra sức dạy dỗ cho biết mọi phép trong nhà, hoặc còn vưng hay là trễ nải, thì phải sửa dạy, phải năng bảo cho biết ở khiêm nhường, đừng theo ý mình một theo mọi phép trong dòng, chịu lụy bề trên cùng các chị em, hoặc có nói nhời gì cùng làm việc gì mất lòng chị em nào, thì phải dạy quí gối xuống trước mặt chị em ấy mà xin tha, hoặc chẳng có mất lòng ai, song le đã làm gương mù gì thì cũng phải xin chị em tha như làm vậy nữa, lại phải bảo người ấy chớ ngỡ sự gì trái cho ai, chớ giệu giao ai, chớ kể truyện thế gian, chớ hỏi cho biết tin kia tin nọ, chẳng làm ích cho linh hồn mình, chớ năng cười, chớ nói cả tiếng quá, chớ chê nhời cùng việc kẻ khác đã làm chẳng nên, lại bảo cho biết xét mình xung tội chịu lễ, cùng các việc lành phải làm, hoặc chưa biết nghề nghiệp gì mà làm ăn, thì mẹ phải dạy nghề nghiệp nào, mặc mẹ xét sửa người ấy. Bao giờ đã thử người ấy, cùng xét tính nét người đủ một năm dờ, thì mẹ cùng các chị em sẽ bắt thăm trước mặt thầy cả bốn xứ, ví bằng hơn nửa phần chị em chịu nó ở, chốc ấy mới kể nó là người nhà chị em; hoặc có nửa phần hay là kém nửa phần chị em chịu nó ở mà thôi, thì phải bảo nó về chẳng nên cho nó ở nhà mẹ nữa; mà bao giờ đã bắt thăm làm vậy, cùng đã chịu nó là người nhà chị em, thì mẹ cùng cả và nhà chị em chẳng được đuổi nó ra nữa, phải có nhời đấng bề trên xem xét đã, mới được dạy nó ra khỏi nhà chị em.

Đoạn thứ 4. Dạy những việc lành kẻ ở trong dòng này phải làm

1. Mọi việc lành phải làm, như ăn chay, đánh tội, hãm mình, nguyện ngắm, thì phải hợp một ý cùng Đức Chúa Giêsu, mà xin Đức Chúa Trời vì công nghiệp Đức Chúa Giêsu mở lòng cho bao nhiêu người vô đạo ở trong bao nhiêu nước Đức thánh Phapha dạy các thầy cả mới sang coi sóc, nhất là những kẻ ở trong nước Annam, được trở lại giữ đạo Đức Chúa Trời cho nên.
2. Là các chị em vào dòng này, thì phải dạy dỗ những con trẻ gái con nhà có đạo cho nó biết mọi sự các con gái khôn ngoan phải biết. Hoặc vì rày vua chúa Annam cấm đạo chẳng được liệu việc ấy, song le ngày sau có phép bề trên mở cho rộng hơn, thì chẳng nên quên việc ấy là phần các chị em vào dòng này phải giữ.

3. Phải coi sóc các người nữ già trẻ khi liệt lảo, dù chẳng có đạo thì cũng nên thăm viếng gìn giữ, để cho được khuyên sự lành cho được rồi linh hồn.
4. Bao giờ có sự gì vội cần mà chẳng đến được cùng các thầy giữ việc nhà Đức Chúa Trời, thì phải liệu rửa tội cho những kẻ trẻ rình sinh thì, dù con cái kẻ vô đạo thì cũng nên rửa.
5. Phải khuyên hết lòng hết sức những con chơi cùng những kẻ làm sự dơ dáy làm vậy, trở lại ăn năn tội, cùng chừa những tội ấy; mà hoặc ngày sau có kẻ trở lại cùng bỏ nghề nghiệp ấy đi, và dốc lòng vào dòng này, thì cũng nên cho vào, cùng giữ các phép sau này, song le phải làm nhà riêng nơi khác cho những người thể ấy ở, mà chọn lấy trong các chị em khác một người nào chẳng có tích lỗi gì cho được làm chị ả coi sóc những người ấy.

Đoạn thứ 5. Những phép chung kẻ vào trong dòng này phải giữ mọi ngày

Đầu trống 5 thức dậy sớm mai, thì họp nơi chung mà đọc những kinh sau này : kinh Đức Chúa Spiritô Sanctô vân vân, kinh Làm dấu vân vân, kinh Lạy ơn Đức Chúa Spiritô Sanctô tôi là kẻ có tội v.v., kinh Tại thiên, Kinh Ave, kinh Tin kính v.v., kinh Ba ngôi v.v., kinh Cáo mình v.v., kinh Thân Đức thánh Angiô là thiên thần v.v., kinh Cầu Đức Chúa Jêsu cùng kinh Than sau, đoạn lần hạt Đức Chúa Jêsu, kinh Lạy ơn Đức Chúa Jêsu xưa vào vườn nhiệt Simani v.v., kinh ông thánh Juse cất xác xuống v.v., đoạn mới ngắm sách đủ nửa giờ, chẳng nên đọc sách qua vậy mà thôi, vì sự ấy chẳng phải là ngắm đầu, đoạn lần hạt 5 chục, và kinh Thân Mẫu phúc, kinh Cầu các thánh, kinh Than sau, đoạn 3 kinh Tại thiên, 3 kinh Ave, kinh Đức Chúa Trời Ba ngôi, mà đồng đọc (3) kinh Tại thiên, 3 kinh Ave ấy, thì phải có ý dâng cho mình, hay là dâng cho kẻ khác đã qua đời, hay là kẻ còn sống, vì đã có 50 ngày indu cho kẻ đọc kinh ấy, sau đọc kinh Ave là kinh Đức Chúa Trời sai thiên thần v.v.. Sau hết đọc kinh Trông cậy. Phải nhớ điều ngắm sớm mai, mà ai muốn đọc kinh riêng hay là lần hạt riêng, thì phải ở trên giường mà thâm thử nhỏ vậy.

Đoạn thứ 6. Phép chị em phải giữ ban đêm

Chị em nằm ngủ thì phải nằm 1 người 1 giường, chẳng nên nằm 2 người 1 giường, nhà nào chật chẳng đủ giường, thì phải lo liệu làm chõng, phải cho đủ cho chị em nằm, mà đêm ngày chị em mặc áo cùng yếm cho kín, dù mà mùa sốt bức cũng chẳng nên bỏ nữa.

Đoạn thứ 7. Những phép kẻ vào dòng này phải giữ ngày lễ cùng ngày ăn chay

1. Hễ ngày nhất lễ lạy cũng đọc kinh sớm mai một thể, song le hết kinh Tin kính, thì phải thêm kinh Mười Sự răn, cùng 6 Sự răn, và Mười bốn mỗi, cùng Phúc thật 8 mỗi, đoạn lần hạt sau như mọi ngày.
2. Những ngày nhất lễ lạy cùng các ngày lễ khác thánh Ighêrêja dạy giữ, thì phải học chữ cho đến gần xét mình trước ăn cơm trưa, ăn cơm đoạn thì được nghỉ một ít, đoạn chị em phải họp nơi chung, mà đọc kinh Đức Chúa Spiritô Sanctô cùng kinh Ăn năn tội, đoạn lần hạt trăm rười cùng kinh Thân Mẫu phúc, và kinh Cầu các thánh; song le các ngày lễ Đức Chúa Jêsu thì phải đọc kinh Cầu Đức Chúa Jêsu, cùng lễ Đức Bà thì phải đọc kinh Cầu Đức Bà, kinh Cầu nào thì phải đọc kinh Than sau kinh Cầu ấy, rồi chị em ngồi lại mà nghe một, 2 điều trong sách phép nhà, đọc đoạn thì mục hay chị ả phải khuyên chị em một hai nhời cho biết ý những kinh đã đọc, và ra sức giữ cho trọn, rồi sẽ đọc 3 kinh Tại thiên, và ba kinh Ave, và Trông cậy, rồi học chữ cho đến tối, ai nín đọc kinh riêng thì cũng nên, ấy là phép thêm ngày lễ khi đã đọc sách phép nhà cho hết, đoạn lại đọc lại.
3. Phải kiêng thịt mọi ngày trong năm đưng kể 3 ngày sau này, là Phục Sinh, Sinh Nhật, Hiện Xuống. Bằng sự ăn chay thì chị em phải giữ những ngày thánh Ighêrêja dạy, cùng ngày thứ 6 thứ 7 trót năm, mà những ngày ăn chay, thì bữa trưa chẳng nên ăn sớm, cùng bữa tối chẳng nên ăn no quá.
4. Những ngày thứ 6 thứ 7 trót năm cùng mọi ngày trong mùa chay cả, đọc kinh ban tối cùng sách ngắm đoạn, thì phải đánh tội đủ 3 kinh Ăn năn tội, cho được kính cùng nhớ sự thương khó Đức Chúa Jêsu, mà dâng một chút của mọn làm vậy, mà họp một ý sâu nhiệm Đức Chúa Jêsu đã chịu

cho ta, hoặc có ai trở sự gì mà chẳng đánh tội chung cùng các chị em, thì phải chiêng mũ, cùng phải lo liệu buộc một giây sắt thắt lưng có gai nhọn, cùng làm việc khác bằng việc ấy, thay việc đánh tội, mặc thầy coi sóc dạy.

5. Đến ngày Lễ Lá, cùng 4 ngày sau lễ ấy, thì phải đánh tội một ngày 2 lần, sớm mai một lần đủ 3 kinh Ăn năn tội, tối một lần cũng đủ 3 kinh Ăn năn tội nữa; còn ngày thứ 6 lễ ấy là chính ngày Đức Chúa Jêsu đã chịu chết, cũng phải đánh tội 2 lần, song le sớm mai đủ 4 kinh, tối đủ 4 kinh Ăn năn tội, để mà kính sự thương khó Đức Chúa Jêsu đã chịu chết vì chúng tôi.

6. Hễ lần nào chị em đánh tội chung, đánh tội đoạn thì phải lần hạt, cùng đọc kinh Cầu ông thánh Juse.

7. Lễ Đức Chúa Jêsu chịu cắt bì gọi là lễ Đặt Tên, cùng lễ bà thánh Ylêna tìm thấy Cầu rút Đức Chúa Jêsu, và lễ Đức Chúa Jêsu tỏ sự sáng mình ra, thì 3 ngày ấy phải kính lẫm.

8. Các chị em vào dòng này phải lấy ông thánh Juse làm quan thầy trên trời, cùng phải xin Đức Chúa Trời vì công nghiệp ông thánh ấy, cho các chị em hợp một ý ấy trong dòng, cùng cho một ngày một nhiều nhân đức hơn nữa.

Đoạn thứ 8. Phải coi sóc kẻ liệt ào trong nhà là thể nào.

Chị em phải thương yêu nhau liên, nhất là khi phải liệt; ấy vậy khi ai phải liệt, chị em phải năng coi sóc gìn giữ cầu cùng Đức Chúa Trời cho, lại phải yên ủi khuyên bảo vác Cầu rút là sự liệt cho bằng lòng, phải đọc sách nhất là các sách nói về sự thương khó Đức Chúa Jêsu đã chịu vì chúng tôi, mặc mũ cùng chị ả chọn lấy chị em nào có sức ấy, và hay chịu khó khi phải rửa ráy, chùi trọt sự gì dơ, cùng trở người liệt bên kia bên nọ, thì được nổi các việc ấy phần hồn phần xác, trước hết chị em phải tìm thầy cả giải tội cho người liệt ấy, cùng chịu lễ xúc dầu thánh, mặc thầy cả liệu, dù chị em nào trong nhà phải liệt, thì phải tìm thầy thuốc chữa, chẳng nên tiếc gì cho được chữa người ấy, song le phải liệu sức nhà chị em với, và khi đã tìm được một thầy thuốc khôn ngoan, thì phải cứ người chẳng nên chạy thuốc đông dài làm chi.

Đoạn 9. Những việc lành phải làm để mà cầu cho kẻ sinh thì trong dòng.

1. Hễ ai trong nhà chị em sinh thì, thì chị em nhà ấy phải ăn chay 3 ngày, đánh tội ba lần, lần hạt trăm rưỡi 3 tràng xung tội chịu lễ 3 lần, còn những kẻ sinh thì trong dòng song le ở nhà khác thì chị em phải ăn chay 1 lần đánh tội một lần, lần hạt một tràng trăm rưỡi, xung tội chịu lễ 1 lần, nhất là những ngày có phép in-du đây mà dâng cho Đức Chúa Trời cho linh hồn ấy.

2. Hễ ai sinh thì trong nhà chị em, thì mũ cùng chị ả coi sóc nhà ấy, phải viết thư cho sớm cho các nhà chị em, mà cầu cho linh hồn ấy, cứ phép mới dạy trước này.

3. Mọi ngày sớm mai phải đọc 3 kinh Tại thiên, 3 kinh Ave, kinh Thờ Đức Chúa Trời Ba ngôi, mà tối thì đọc 5 kinh Tại thiên, 5 kinh Ave, kinh Dầu thánh Đức Chúa Jêsu mà dâng cho Đức Chúa Trời xin thương lấy các linh hồn các chị em đã qua đời, cùng các kẻ đã làm ơn cho chị em, mà còn sống hay là đã qua đời xin Đức Chúa Trời trả công cho đời này và đời sau chẳng cùng, đã có 50 ngày in-du Đức thánh Papa ban cho.

Đoạn thứ 10. Chị em phải năng xung tội chịu lễ

Lễ thì chị em xung tội cùng chịu Minh Thánh Đức Chúa Jêsu một lễ một lần, song le bởi rày còn ít đáng làm thầy cả sacerdoti, mà có khi người đi làm phúc xa đàng, thì mũ phải lo liệu cho chị em trở nhau mà đi xung tội cùng người, mũ phải liệu, đừng để qua không 1 tháng mà chị em chẳng được xung tội một tháng 1 lần chẳng, bằng sự chị em chịu lễ, hay là chẳng, thì mặc thầy cả liệu, mũ cùng chị em chẳng nên xem xét, chẳng nên hỏi, cùng chẳng nên nói đến sự ấy sót.

Đoạn thứ 11. Chị em phải siêng năng làm ăn.

(1). Chị em trong cửa nhà phải ra sức làm việc xác, cho đủ ăn mặc, cùng trả nợ cho người ta, chẳng nên làm biếng, chẳng ở nhưng bao giờ, vì sự ở nhưng cùng làm biếng là cội rễ mọi tội lỗi cùng mọi nét xấu, vậy hễ mọi người sớm mai cầu nguyện đoạn, ai biết nghề nghiệp gì thì phải

làm nghề nghiệp ấy, hay là mụ dạy làm việc nào, thì phải làm việc ấy, ở một nơi cùng nhau, và phải có mặt mụ, hay là chị ả hằng ở đấy liên, cho chị em được siêng năng nắn các việc cùng giữ nét na, mà một ít lâu, một lần mụ hay là chị ả phải bảo chị em nhớ có Đức Chúa Trời trước mặt, kéo chị em mất nét na, và 1, 2 khi phải nhủ chị em nhớ sự thương khó Đức Chúa Jêsu đã chịu vì chúng tôi, như sự mồ hôi máu chảy ra, và sự người vác Câu Rút nặng lắm, cho nên chị em chịu khó làm ăn cho bằng lòng; một hai khi cũng phải bảo chị em nhớ Đức Bà, khi làm việc nọ việc kia trong nhà Đức Chúa Trời cho chị em được hợp một ý cùng các ý rất mau nhiệm Đức Bà mà dâng cho Đức Chúa Trời.

2. Hễ các chị em làm thì làm về phần chung, cho chị em được đủ ăn mặc, hoặc mụ dạy chị em làm việc nọ mà để việc kia, thì phải vâng nhời tức thì; hoặc ai yếu đuối chẳng làm được việc nặng, thì phải chiềng mụ cho người dạy làm việc nhẹ như may vá cho các chị em, kéo vải hay là làm việc khác, mặc mụ liệu, mà kẻ làm được việc nặng, chẳng nên để cùng chê trách chị em làm việc nhẹ, Đức Chúa Trời cho ai sức ngần nào thì làm cho bằng phần sức ấy.

3. Hoặc người nào may vá chẳng lập cho chị em, chốc ấy mụ phải chọn một ngày nào ăn chay cho chị em ai ai được may vá cho mình, như ngày thứ 6 hay là ngày ăn chay khác mặc mụ, vì vậy mụ phải cho chị em ít là một tháng 1 ngày cho chị em được may vá cho mình, ví bằng có chị nào chẳng có đi gì may vá cho mình thì phải làm việc chung, chẳng nên may cho kẻ khác, khi chẳng có nhời mụ cho, song le ngày lễ lạy, cũng chẳng nên may vá, xây lúa đâm gạo, vì những ngày ấy chị em phải nghỉ xác, mà cầu nguyện hơn mọi ngày, phải học chữ cho được đủ xem các sách chị em thường đọc, hoặc ngày lễ lạy chị em muốn tắm tắm cùng gội đầu thì cũng được, cùng khi đang học chữ, hay là làm việc gì khác, mà muốn đi làm việc riêng, thì phải đi chiềng mụ đã, mới nên đi việc riêng ấy, mà đi thì phải đi cho chóng, cùng về cho kịp, chẳng nên ở cho lâu.

Đoạn 12. Phép chị em phải giữ khi tắm khi gội đầu.

Sự gội đầu mau là 1 tháng 2 lần, bằng mùa rét thì cũng cứ vậy, song le mùa xuân cùng mùa thu, thì một lễ là một lần, còn mùa hè thì 2 lễ một lần; song le khi tắm thì chẳng nên cởi áo quần cùng yếm ra bao giờ, như kẻ khác, hoặc có ai cởi yếm ra, thì phải kéo quần lên cho đến nách, cho kín ngực, phải có cái nào cũ riêng, hay là chung, mà khi đi tắm cho được mặc cái cũ ấy, mà chị em phải tắm ở nhà, chẳng nên đi tắm ngoài sông, cho nên mụ phải dọn một nơi cho kín đáo, cho chị em được tắm.

Đoạn thứ 13. Khi chị em đi việc gì ra khỏi cửa nhà phải giữ phép là thế nào.

(1.) Hễ ai ai đi đâu, thì phải có nhời chiềng mụ thì mới nên đi, mà mụ chẳng nên cho chị em nào chưa đến 50, 60 tuổi đi đâu một mình, hằng phải cho có 2 người đi, dù có việc nào thì cũng chẳng nên lia nhau cho khỏi bao giờ, cùng chẳng nên đi một người một đàng, hằng phải đi cùng về làm một.

2. Đi dọc đàng, có gặp ai nói khó đều gì, thì cũng cho cả và 2 nghe được, ra vào cửa nhà nào, thì cũng phải có cả và 2 nữa, chẳng nên lia nhau bao giờ.

3. Trong nhà chị em chẳng nên có bao giờ có đàn ông vào, cùng ăn uống đấy, hoặc đàn ông nào có việc gì, thì phải làm 1 chút chái ngoài, hay là bên trong cửa, dựng ra nửa gian, cho kẻ có việc gì cùng chị em sẽ đứng đấy mà nói, song le trong chị em ai muốn nói khó cùng chị em đàng ấy thì phải chiềng mụ đã, cho mụ cắt ai trong chị em đi nghe vuổi, hoặc người đi nghe hãy còn trẻ, thì đứng bên trong gần đấy mà nghe, rồi việc ấy, người đã nghe phải chiềng mụ, cho mụ được biết các điều ấy, song le chẳng nên nói ra cho kẻ khác biết, mà có lỗi, hoặc có ai hỏi mụ điều gì, mà phải ra ngoài ấy, thì mụ cũng phải có 1 chị em làm chứng mà nghe cho được làm gương, cho các chị em được bắt chước.

4. Người bổn đạo nữ có chồng chẳng nên năng ra vào nhà chị em, hoặc người nữ góa bụa chẳng có tiếng xấu gì, cùng phải người hay giữ nét na, muốn học đàng phúc đức, đàng nguyện ngắm, cùng đàng hãm mình thì nên cho ra vào nhà chị em, cùng con gái nào tốt nét na, dù rắp lòng lấy chồng, song le chưa có liệu việc ấy, thì cũng nên cho ra vào tập việc lành cùng chị em.

5. Các nhà chị em ở chẳng nên có bao giờ thầy cả làm lễ đầy, có một khi người chị nào phải liệt nặng, chẳng đem được nhà khác, cho được chịu viaticum, hay là ngày nào thầy cả đến bắt thăm mà chọn mụ và chị ả và kẻ giữ việc, khi chẳng có nhà nào gần, cho thầy cả được làm lễ thì mới nên làm mà thôi.
6. Sáu là thầy cả hay là người thầy cả nào, hoặc có việc gì mà đến, thì cho được ăn cơm trong nhà, cùng nằm đêm đầy.
7. Hễ ai ai là người nam, thì cũng cấm chẳng được cho ăn hay là nằm đêm trong nhà mụ nữa.
8. Chị em chẳng nên bao giờ đi một thuyền vuồi người nhà thầy cả nào, cùng buôn bán đi gì thì càng chẳng nên, cùng cấm sự ấy nhất lăm.
9. Còn sự thuyền thầy cả nào, cùng thuyền nhà mụ nào, đi làm một cùng nhau, thì càng cấm sự ấy nữa.
10. Chị em chẳng nên chứa trong nhà những của người nào, nhà thầy cả nào, như đồng tiền, hay là của trọng khác, khi chẳng có nhời thầy cả mình.
11. Chị em chẳng nên cho người nhà thầy nào vay tiền hay là chịu miệng cho người ấy được vay tiền, mà dùng việc gì, khi chẳng có nhời thầy cả mình dạy.
12. Chị em đi đàng gặp người nam, nhất là người nhà thầy thì chẳng nên đưa trầu cho, ai chẳng cứ bấy nhiêu phép trước này thì lỗi nặng.

Đoạn 14. Chị em phải giữ miệng là thế nào.

1. Chị em phải giữ miệng chẳng nên nói khó cùng nhau, từ tối khi vào đọc kinh cho đến sáng, khi đã đọc kinh rồi, và từ trước ăn cơm mọi bữa, cho đến khi đã cảm ơn đoạn, hoặc có việc gì, thì phải nói nhỏ tiếng, cùng ít đều.
2. Chị em chẳng nên nói khó cùng đàn ông nào, dù người trong kẻ giảng thì cũng chẳng nên nữa, hoặc có bua việc gì, mà phải nói khó cùng đàn ông nào, thì phải có mặt mụ, hay là chị em nào mụ cất đi nghe vuồi, thì mới được nói khó cùng đàn ông ấy.
3. Đàng khi chị em làm việc cùng nhau, thì chẳng nên truyện trò cười cợt quá.
4. Chẳng nên nói dức lác, nói nhớn tiếng trong nhà, cho lảng giềng nghe thấy.
5. Khi chị em nói khó cùng nhau, thì phải nói cách khiêm nhường hiền lành, chẳng nên nói kiêu ngạo, như mày, tao, dù mụ chẳng nên xưng mình rằng là tao, mà gọi chị em là mày.

Đoạn 15. Khi chị em gửi thư cho ai hay là ai gửi thư cho ai, thì phải giữ phép là thế nào.

Hễ ai ai gửi thư cho chị em, thì chị em phải đem thư ấy cho mụ mở ra, cùng xem đã, thì chị em mới được xem, và khi nào chị em muốn gửi thư cho ai, và có ý làm thư cho ai, thì phải chiêm mụ đã, mụ có cho mới được, mà khi đã viết thư đoạn, lại phải đem cho mụ xem, cùng phong lại mặc mụ; có 1 khi đáng bề trên gửi thư riêng cho chị em nào, thì mụ mở ra đoạn thì mụ phải trao trả thư chị em ấy, cùng khi chị em muốn gửi thư cho đáng bề trên, làm thư rồi phải đem cho mụ phong lại, song le mụ chẳng nên xem, cùng hỏi sự trong thư ấy. Ai chẳng cứ phép ấy thì có lỗi rất nặng.

Đoạn 16. Chị em phải mặc áo giống nào.

- (1). Chị em phải mặc áo vải, chẳng nên mặc áo vóc lĩnh, sồi nái tơ ba, cùng chẳng nên dùng của gì tơ sốt, mà nhuộm thì chẳng nên nhuộm đỏ, hay là mùi lịch sự, phải nhuộm mùi thâm hay là mùi nào xám cùng bồ nâu nhạt nhạt vậy, vì càng hèn trước mặt thế gian, thì càng tốt trước mặt Đức Chúa Trời; song le dù chị em mặc áo hèn thì cũng phải liệu cho sạch sẽ, vì vậy phải năng giặt kéo hôi hám, mà mụ phải xem xét việc ấy.
2. Mụ cũng phải lo liệu một năm một lần là trước lễ Phục Sinh, may cho các chị em 1 người một cái áo vắn cùng 2 cái yếm, quần thì may cho mỗi người 2 năm 1 cái, và ba năm 1 cái áo dài, song le may cái quần cùng cái áo dài, thì may trước lễ Các Thánh, hay là mụ muốn cho các chị em, một người một năm 1 cái vải đủ 2(?) thước, cho chị em thiếu áo nào thì may áo ấy cho mình thì cũng được, hoặc là chị em nào cha mẹ anh em, hay là kẻ khác cho vải, hay là tấm áo, mà mụ để

cho, hay là chị em nào đã có áo đủ, chẳng thiếu gì, thì người ấy lấy vải làm chi, song le mụ cũng phải may cho, hay là cho vải mặc người ấy, lấy, hay chẳng, nhưng mà cho vải nào thì dùng vải ấy, chẳng nên đổi, chẳng nên bán, khi chẳng có phép mụ thì có lỗi.

Đoạn thứ 17. Chị em chẳng nên giữ của riêng gì.

1. Trong dòng này, mọi sự là của chung, ấy vậy chị em chẳng nên cầm của riêng, dù ruộng nương, dù đồng tiền, hay là cuốn sách, mọi sự phải nộp cho mụ hết, mà có thiếu sự gì thì xin cùng mụ, song le ví bằng chị em nào khi vào dòng, có đem của gì, như đồng tiền ruộng nương, ruộng hay là của gì khác trọng, nếu ngày sau người ấy có ra, đã đem vào bao nhiêu thì mụ cùng chị em phải trả bấy nhiêu, hay là có sinh thì trong nhà, người ấy có nhờ thể nào về những của ấy, thì mụ cùng chị em phải cứ nhờ ấy, song le trước phải thưa thầy cả coi sóc đây.

2. Chị em ai có thúng hay là hòm níp nào, thì chẳng nên khoá lại, vì mụ cùng chị ả 1 năm là 5, 3 lần, khi vắng mặt chị em thì phải xem các thúng hòm níp, cùng các giường mọi nhà mọi nơi, hoặc có ai trong chị em giấu của gì chẳng? Ví bằng có thấy của gì chị em nào giấu mà chẳng có đều gì cùng mụ trước, thì chị ả phải cất lấy của ấy, và lại phải phạt người ấy, chẳng nên tha, vì vậy của gì ai cho chị em, thì cũng phải nộp cho chị em thay thầy, mà chị em cho ai của gì dù mà của hèn, mà chẳng chiêng mụ, thì có lỗi, nhất là chịu lấy của đàn ông nào cho, hay là chị em nào cho đàn ông nào của gì, mà chẳng cho mụ biết, thì càng cầm sự ấy nữa.

Đoạn 18. Phải khẩn trong dòng là thể nào.

Bởi vì trong nước An Nam, chị em chẳng có nhà nào, cùng nơi nào vững bền, thì đáng bề trên chẳng cho chị em khẩn 3 sự trong dòng, song le bao giờ người đã xét được người nào đã có tuổi, cùng giữ mọi phép trong dòng lâu năm, mà cho người ấy khẩn 3 sự đã kể vào đây, thì người ấy phải lấy làm trọng lắm, cùng ra sức từ đây về sau, càng giữ các phép cho kỹ hơn nữa, hoặc trong chị em ai đã khẩn, mà muốn khẩn lại cho được sửa nét na mình, thì cũng được, nhưng mà kẻ chữa có khẩn nhờ ấy, trước mặt bề trên, thì phải hứa tội dốc lòng, thay vì nhờ khẩn, nhân danh Cha và Con và Phiritô Sanctô. Amen.

Tôi là mỗ dù tôi là kẻ có tội lỗi, đáng sa địa ngục, song le tôi cậy trông công nghiệp Đức Chúa Giêsu đã chịu chết trên cây Câu Rút cho tôi, mà tôi cả lòng dám đến trước mặt Đức Chúa Trời Ba ngôi, có phép tắc vô cùng, tôi dốc lòng, hay là tôi khẩn bấy nhiêu sự sau này, một là ở cho khó khăn trọn đời, chẳng lấy của gì làm của riêng tôi, hai là giữ mình sạch sẽ trọn đời, 3 là vâng nhờ chịu lụy Đức vít-vô Đức thánh papa cho coi sóc phần linh hồn bản đạo nước Tụng Kinh này, cùng thầy cả sacerdote nào coi sóc nơi chúng tôi ở, cùng chịu lụy mụ tôi, cùng mụ ngày sau bề trên cho coi sóc cửa nhà chúng tôi. Tôi lại dốc lòng giữ cho trọn các phép xưa nay bề trên đã truyền dạy cho chúng tôi giữ. Song le bởi vì tôi là kẻ yếu đuối, chẳng có sức mà làm nên việc gì lành bởi sức riêng tôi, thì tôi cũng dung cho Đức Chúa Trời Ba ngôi hết mọi việc lành phúc đức Đức Chúa Giêsu đã làm, mọi thương khó người đã chịu, mà tôi xin Đức Chúa Trời Ba ngôi phù hộ thêm sức mạnh cho tôi. Tôi lại cậy Rất Thánh Đức Bà là Mẹ Chúa Dêu trọn đời đồng trình cùng ông Thánh Juse cùng các thánh nam nữ cầu cho tôi giữ bấy nhiêu nhờ ấy cho trọn. Amen.

Đoạn 19. Phép chọn mụ, cùng chị ả, và kẻ giữ việc.

Hễ là ba năm một lần trong lễ Đức Chúa Spiritô Sanctô Hiện xuống, hay là ngày nào khác, bề trên dạy chị em họp lại, mà chọn 1 người nào làm mụ, cùng 1 người nào làm chị ả, và một người khác giữ việc cho chị em, đủ 3 năm; song le cho được liệu việc ấy cho nên, thì phải cứ những phép sau này.

1. Hễ bao giờ chọn mụ cùng chị ả, và kẻ giữ việc, thì thầy cả nào coi sóc trong địa phận ấy, phải đợi thầy cả hay là người nào Đức vít-vô dạy lo liệu việc ấy.

2. Phải đọc những phép trong đoạn này mà xem cho tỏ, thì mới nên liệu việc ấy, hoặc có hồ nghi chưa lấy làm thật làm tỏ mấy, thì phải thưa lại Đức vít-vô, trước cho tỏ đã, chẳng nên lấy ý riêng mình mà cắt nghĩa ra khác, nhẽ khác mà nhầm chẳng.

3. Thầy cả ấy phải bảo các chị em dọn mình mà xưng tội chịu lễ, mà cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời soi sáng cho mình, được biết người nào nên chịu việc ấy, cho mình chọn lấy.
4. Thầy cả ấy cũng phải giảng một hai nhời nữa, cho chị em được biết những nhẽ phải cứ, mà ai ai có lòng thật thà, mà liệu việc này cho chắc, vì chị em nín chọn lấy ai, thì phải lấy lòng công bằng chẳng nên thiên tây ai, hay là vì nể ai, thì chẳng phải nhẽ, và có lỗi nữa. Ấy vậy chị em phải ra sức, mà chọn kẻ có lòng ngay thật, kính mến, siêng năng nắn việc lành, hay khiêm nhường nhịn nhục, hay vâng nhời bề trên, hay chịu khó, hay thương yêu người ta, chẳng nên trọng hèn, và có sức lo liệu mọi việc, hơn kẻ khác, cho chị em được ích về phần linh hồn, và xác nữa, người nào có những sự ấy thì chị em mới nên chọn mà thôi.
5. Những kẻ có phép mà chọn kẻ khác là những kẻ ăn mày trong nhà chị em ít là 4 năm mà lên, và có tuổi đủ là 20 tuổi mà lên.
6. Những người chị em được chọn làm mục cùng làm chị ả và kẻ giữ việc, thì phải có 3 sự sau này : 1, là đã ăn mày trong nhà chị em đã lâu, ít là đủ 10 năm mà lên; 2, là có đủ tuổi ít là từ 3 mươi tuổi mà lên; ba là chẳng có mặc sự lỗi gì nặng, cùng chẳng có dấu vết gì trong dòng xưa nay.
7. Khi chị em đã họp nhau trước mặt 2 thầy cả thì thầy phải đọc kinh Đức Chúa Spiritô Sanctô, kinh Tại thiên, kinh Ave, kinh Tin kính, kinh Cầu Đức Chúa Jêsu, đoạn thầy cả ấy ngòì mà đọc thư bề trên mà trong thư ấy bề trên đã chỉ 5 tên : 3 tên trước, cho được chọn mục; chọn mục rồi sẽ lấy tên thứ tư vào cho đủ 3 người, mà chọn chị ả; chọn chị ả đoạn, lại lấy tên thứ 5 vào, mà chọn kẻ giữ việc. Vì vậy thầy cả sẽ biên tên 3 người ấy, ngoài 3 lọ, một lọ một tên; mà 3 lọ ấy (?) sẽ để nơi nào kín, chẳng ai xem được, đoạn thầy cả sẽ cho các chị em có phép mà chọn, cầm 1 người 1 hạt đậu; mà chị em sẽ vào một khi một người, nơi đã để 3 lọ ấy, mà muốn chọn người nào làm mục thì phải bỏ hạt vào trong lọ có tên người ấy, mặc thánh ý Đức Chúa Trời soi lòng chị em; rồi thầy cả sẽ đi lấy 3 lọ ấy, đem ra mà đổ trước mặt chị em, lọ nào hơn nửa phần chị em đã chọn đã bỏ hạt vào, thì phải kể người đã có tên ngoài lọ ấy, là người chị em đã chọn làm mục; ví bằng chẳng có lọ nào được hơn nửa phần chị em đã bỏ hạt vào, chốc ấy lại phải bỏ lại lần khác, cho đến khi được hơn nửa phần chị em chọn người nào làm mục, thì mới nên việc; song le các người nào đã có tên trong 3 lọ ấy, thì chẳng nên bỏ hạt đậu vào lọ khác. Chọn mục, rồi sẽ chọn chị ả cũng như làm vậy; chọn chị ả, rồi sẽ chọn kẻ giữ việc, thì cũng như làm vậy nữa.
8. Khi trong nhà chị em có ít người cho thầy cả thay thầy được bắt thăm, thì cũng cứ cách sau này : vậy thầy cả đọc thư bề trên rồi, sẽ dạy viết nhiều tờ, mà trong những tờ ấy, thì phải viết những tên kẻ chị em đã chọn mà thôi, cứ như phép đã nói trước này.
9. Là khi viết những tên ấy trong tờ, thì phải viết những tên ai trước, tên ai sau, như trong sổ chị em đã cứ xưa nay, khi ở cùng nhau.
10. Là phải viết những tên ấy trong tờ, cho thừa thừa vậy cách nhau, cho chị em dễ xé tên người nào muốn chọn.
11. Mỗi một người chị em có phép mà chọn, thì phải cầm riêng 1 bản tờ ấy, mà tên người nào mình muốn chọn, thì phải xé lấy tên ấy, mà can lại mà bỏ vào trong bát, hay là trong coi, hay là giống nào đã để sẵn trước bàn thờ.
12. Hễ người nào cầm tờ, thì đừng viết tên người ấy vào trong tờ ấy, vì hễ ai làm tờ, thì đừng viết tên mình vào đấy, hoặc viết vào thì thầy cả phải xé mà bỏ đi.
13. Khi chị em muốn chọn lấy tên người nào, mà xé lấy tên, thì phải giữ kín, chẳng nên cho kẻ khác xem thấy, và những người chị em đã chọn lấy, thì chị em cũng chẳng nên nói lại cùng ai bao giờ sót, ai chẳng cứ như vậy thì có lỗi.
14. Khi chị em đã chọn người nào như vậy, đoạn thì thầy cả phải mở ra trước mặt chị em các tên đã bỏ vào, mà ai đã được nhiều người chọn, là đã bỏ tên người ấy vào hơn nửa phần những chị em đã chọn, ví bằng chưa có được nhiều, tên người nào quá nửa phần chị em chọn, thì phải bắt thăm lại lại.
15. Mục, chị ả và kẻ giữ việc, thì phải chọn 3 kỳ, 1 kỳ một người, chẳng nên chọn cả và ba trong 1 trật, đã chọn mục đoạn lại viết tờ khác, và mục cùng các chị em đã có phép mà chọn, thì phải cầm

riêng một bản tờ ấy, mà chọn chị ả, như đã chọn mục kỳ trước; kỳ thứ 3 chọn kẻ giữ việc, thì cũng như làm vậy, mặc bề trên dạy bắt thăm cách nào, thì chị em phải cứ như làm vậy.

16. Những người các chị em đã chọn làm mục, làm chị ả, làm kẻ giữ việc, cứ đủ bấy nhiêu phép đã nói trước này, thì những người ấy chẳng nên cãi nữa; hoặc ai ai đã có nhẽ mà kêu mặc lòng, thì phải nhịn mà chịu việc, song le cũng được gửi thư hầu Đức vít-vồ, cho người được xét mà luận, người dạy thế nào, thì phải vâng như vậy.

17. Khi đã rồi việc, thầy cả xem sóc việc, trước hết bảo mục cùng các chị em, lạy ơn Đức Chúa Trời và có lòng xin Đức Chúa Trời thêm sức cho các chị em được ở hoà thuận yêu nhau, một ý một lòng được giữ các phép cho trọn, đoạn thì thầy ấy phải đọc kinh Ave, kinh Tại thiên, kinh Tin kính, cùng kinh Cầu Đức Bà.

18. Rồi mục cùng các chị em lạy 2 thầy cùng tạ ơn người cho người về, đoạn chị ả cùng các chị em lạy mục, vì bởi Đức Chúa Trời đã chọn mục, thì chị em phải ra sức cho được ở lòng khiêm nhường mà vâng nhờ chịu lụy mục cho trọn, vì Đức Chúa Trời đã chọn ai làm bề trên ta, mà ta vâng nhờ người ấy, thì cũng như vâng nhờ Đức Chúa Trời vậy; còn sự chị ả thì chị em lạy mục đoạn, thì phải lạy chị ả, vì cũng là bề trên; bằng sự chị giữ việc thì chị em phải kính nể, cùng vâng nhờ người cho phải phép, và được phúc khiêm nhường nữa.

19. Khi đã chọn mục cùng chị ả cùng kẻ giữ việc rồi, thì phải gửi thư hầu Đức vít-vồ, cho người được biết tên 3 người đã chọn ấy, mà bao giờ người lấy làm phải thì mới lấy làm chắc, và mới nên.

20. Khi 3 người ấy đã chịu việc ấy đã đủ 3 năm, đoạn thì lại phải chọn lại, mà cứ các phép đã dạy trước này chẳng nên bỏ nhẽ nào.

21. Mục nào đã làm mục đủ 3 năm, nếu chị em muốn chọn lấy người ấy làm mục đủ 3 năm nữa, thì cũng được; hay là người nào đã làm mục trước, mà khi sau muốn chọn làm chị ả, hay là kẻ giữ việc, thì cũng được nữa; song le khi mục nào đã làm mục 6 năm liền, thì chị em chẳng được chọn lấy người ấy làm mục 3 năm nữa, là một người chẳng được làm mục 4 năm liền¹; hoặc chị em còn muốn như làm vậy, mà đã dừng 3 năm chẳng có làm mục, thì chị em được chọn lấy người ấy làm mục như trước; dù chị ả và kẻ giữ việc thì cũng phải cứ các phép ấy.

22. Hoặc mục hay là chị ả và kẻ giữ việc qua đời, chốc ấy cất xác đoạn dù mà chửa đến năm, thì chị em cũng phải gửi thư cho kíp cho đặng bề trên được hay.

Đoạn 20. Chính việc mục, và chị ả cùng kẻ giữ việc là những việc nào.

1. Chính việc mục thì phải coi sóc chị em cứ phép trong dòng cho trọn, nhất là sự nguyện đọc kinh ăn chay, hãm mình cùng các việc phúc đức, hoặc ai trong chị em chẳng giữ thì mục phải khuyên bảo dạy dỗ, sửa phạt như phép sau này, vậy ai còn mê muội, thì mục phải năng nhắc bảo cho biết phép, cùng phải ra sức xét cho được biết các nét na chị em ăn ở trong nhà, cùng bề ngoài thế nào, nhất là mục phải ra sức ở cho có nhân đức, và giữ các phép cho được làm gương cho các chị em được soi, và bắt chước.

2. Khi vắng mục thì chị ả phải coi sóc hết mọi việc trong nhà, như mục vậy, cho nên mục và chị ả chẳng nên bỏ vắng nhà cả và hai bao giờ, khi mục đi có việc gì, thì chị ả phải ở nhà, hoặc chị ả đi đâu thì mục phải ở nhà.

3. Hết mọi năm là một lần mục cùng chị ả và kẻ giữ việc, và các kẻ đàn chị, thì phải tính lại những của trong nhà, đã tốn trong năm ấy là bao nhiêu, còn bao nhiêu, mà lên sổ cho bề trên được biết.

Đoạn 21. Chị giữ việc phải giữ những việc nào, và giữ là thế nào.

1. Chị giữ việc phải coi sóc đồng tiền mua chác, cùng các giống làm ăn, song le khi mua của gì, như đong lúa mua bông vải, hay là giống nọ giống kia, để mà làm ăn, thì chị ấy chẳng nên theo ý riêng mình, mục hay là chị ả dạy thì mới nên mua, như mua sự cả thể tậu ruộng tậu đất, làm cửa làm nhà, thì phải hợp cả và nhà mà luận sự ấy cùng nhau, hoặc nửa phần chị em chẳng muốn nghe, thì đừng mua, đừng tậu, đừng làm, hoặc hơn nửa phần chị em hợp một ý mà muốn, thì mới nên liệu việc ấy. Sau nữa phải làm 1 chút nhà kho, cho chị giữ việc được để đồng tiền bát gạo, và

mắm muối trong ấy, mà phải khóa lại đến giờ nào làm bếp thì phát cho chị em, thì sẽ mở ra mà phát, (mà) mỗi đầu tháng chị giữ việc nhà kho, sẽ tính lại cho mẹ cùng chị ả được xem xét cùng cho được biết tròn tháng trước đã tiêu tốn là bao nhiêu, cùng đồng tiền còn là bao nhiêu, mà chị giữ nhà kho phải năng xem sóc gìn giữ mọi sự, kéo hư sự gì, cùng bao giờ thấy hết giống kia giống nọ, quen dùng mọi ngày, thì phải chiều mẹ cho mẹ dạy đi mua kẻ thiếu gì chẳng.

Đoạn 22. Những lỗi nhẹ và cách phạt là thế nào.

1. Trong chị em ai bỏ việc khác, khi nghe thấy hiệu, hay là dấu nào chị em quen cho được gọi chị em đến cầu nguyện, hay là ăn cơm hay là làm việc khác, ấy là sự lỗi nhẹ. Ai đang cầu nguyện mà đọc kinh sáng sớm, ai ngủ khi đang đọc kinh, hay là ngắm, hay là khi nghe đọc sách, cùng đang khi làm việc khác, ai phải giữ việc gì, mà phải (?) (?) sự ấy việc ấy, song le giữ chẳng nên, dọn chẳng đủ, còn để thiếu sự ấy, ai chẳng giữ con mắt mà xem đông dài, dù trong nhà, dù bề ngoài, ai ở nhưng lâu, ai cười quá, cùng làm việc gì nói nhời gì hay là ở cách nào, mà giục chị em cười quá nữa, ấy là những sự lỗi nhẹ, ai phạm thế ấy mà mẹ biết, thì phải dạy người ấy liếm đất 3 lần, cùng quỳ gối đọc kinh Ân năn tội một lần; mẹ chẳng thấy chẳng biết tới, tối đọc kinh đoạn, ai có lỗi thế ấy thì cáo mình trước mặt chị em mà xưng sự lỗi ấy ra, cùng xin mẹ phạt.

Đoạn 23. Kể những lỗi nửa nặng nửa nhẹ, cùng cách phạt là thế nào.

1. Trong chị em ai chẳng đến đọc kinh chung cùng các chị em, bỏ vì mê ngủ, ai đọc kinh sớm mai rồi đi nằm, chẳng có làm việc cùng các chị em, chẳng có nhờ chiều mẹ trước, ai đang khi chị em đọc kinh, hay là ăn cơm, hay là làm việc khác, nửa mùa mới đến, ai cười đang khi đọc kinh, ai mẹ dạy làm việc hèn mà chẳng làm, ai ăn của gì ngoài 2 bữa, ai đã phải kể cáo mình, mà mình lại cáo trả người ấy, cũng một người ấy, ai thề nhờ gì, dù thề nhờ thật, ai nhạo chị em việc gì, ai đã phạm sự lỗi nhẹ đã kể trước này, mà chẳng có cáo mình, ai đã phạm sự lỗi nhẹ, cũng đã chịu phạt nhiều lần, mà chẳng chừa, ấy là sự lỗi nửa nặng, nửa nhẹ, mẹ phải phạt kẻ đã phạm sự lỗi ấy, hôn đất 3 lần, đọc kinh Ân năn tội 3 lần, cùng ăn cơm muối ngồi đất không, một ngày, chẳng có mâm chẳng có chiếu.

Đoạn 24. Kể những sự lỗi nặng, cùng cách phạt là thế nào.

1. Ai trong chị em cãi dức lác, ai nói đều phủ phàng, ai kể lại sự lỗi chị em đã phạm, mà đã chịu phạt, vì sự lỗi ấy, ai giận chưởi, ai nói đều tục tĩu, ai giục chị em làm sự lỗi trong cửa nhà, ai nói hành chị em, cùng kẻ bề ngoài, cho người ta biết nét xấu chị em, ai khi mẹ phạt hay là làm đi gì mà cãi trả, ai ăn thịt ngày kiêng, mà chẳng có nhờ bề trên cho ăn, ai bỏ ăn chạy ngày 6 ngày 7, ai bỏ chẳng đánh tội ngày ấy, khi chẳng có nhờ chiều mẹ, ai chẳng giữ con mắt, mà có ý nhìn đàn ông nào, ai nói nhờ gì cùng đàn ông, khi chẳng có chị em khác nghe, ai lấy đồng tiền hay là của gì, mà làm của riêng ngoài phần mẹ đã cho dùng, ai ra khỏi cửa nhà, dù một ít lâu, mà chẳng có chiều mẹ trước, ai đang đọc kinh, hay là nguyện ngắm hay là đọc sách, ấy là những sự lỗi nặng, mẹ phải phạt những sự ấy trước mặt chị em, đọc một kinh Ân năn tội cho thông dong, cùng đánh tội, và ăn cơm đất ngồi đất không một ngày.

Đoạn 25. Kể những sự lỗi nặng hơn.

1. Ai trong chị em khi mẹ dạy làm việc gì, mà ra mặt cãi nặng nhờ, ai đánh chị em nào, ai giấu của gì trọng như 1 quan tiền đồ, ai chịu lấy của gì đàn ông cho, hay là chịu lấy thư đàn ông nào gửi cho, hay là gửi thư cho đàn ông nào, hay là cho của gì khi chẳng có nhờ mẹ, ai tỏ sự lỗi chị em cùng kẻ bề ngoài cho người ta biết, ai chẳng có nhờ mẹ cho, mà ra khỏi cửa nhà, mà ở ngoài một ngày, ấy là sự lỗi nặng hơn, mẹ phải dạy những kẻ phạm sự lỗi ấy, ăn cơm muối ngồi trên đất 3 ngày, cùng chịu các chị em lấy roi vọt mà đánh kẻ sự lỗi ấy, một người là 5 roi, đang khi chịu đòn thì người ấy phải đọc kinh Ân năn tội, cho đủ hết các chị em đánh cũng đủ 3 ngày ấy nữa, trong chị em chẳng nên nói khó cùng làm bạn cùng người ấy, phải bỏ một mình một nơi, mẹ chẳng nên khiến người ấy làm việc gì. Song le kẻ người ấy bỏ lòng trông cậy, cùng bỏ mất linh

hồn, một hai khi mù phải cho kẻ có phần nhân đức, đến yên ủi khuyên người ấy ra sức ăn năn tội kéo hư đi mất.

Đoạn 26. Kể những sự lỗi rất nặng kẻ phạm đến, phải bỏ cho khỏi dòng.

1. Ai trong chị em đã phạm sự lỗi nặng, đã kể trong 2 đoạn trước này, mà chẳng chịu phạt, ai mà ra mặt nghịch cùng mù, ai đã phạm đều răn thứ 6, hay là bắt chân tay cùng đàn ông nào, mà kẻ phạm những sự lỗi ấy, thì phải bỏ ra cho khỏi cửa nhà chị em, chẳng nên chịu nữa, như khi chặt chân tay hư đi, kéo hư cả mình. Nhưng mà nếu ngày sau kẻ đã phạm sự lỗi rất nặng làm vậy, có ăn năn tội nên, lại xin nài lại vào nhà chị em cho được đền vì tội, thì cũng nên thương một lần mà thôi, kéo mất linh hồn, song le có chịu phạt bấy nhiêu sự sau này thì mới nên chịu lấy.

1- Phải kể người ấy như kẻ mới vào dòng ngày ấy, cho nên phải ngồi rớt hết.

2- Chẳng nên xưng kinh cùng đọc sách trước mặt chị em đủ một năm.

3- Sẽ làm bếp đủ một lễ hai ngày, cho đủ một năm.

4- Sẽ ăn cơm muối ngồi đất, những ngày thứ 2, thứ 4, đủ một năm.

5- Ngày thứ 4 sẽ đánh tội trước mặt chị em đủ 3 kinh Ăn năn tội, cũng đủ 1 năm.

Ấy là những phép phạt kẻ có lỗi. Song le cũng được lo liệu mà phạt chị em cách khác nữa, là phạt chị em làm những việc nghịch cùng nét xấu mình, như phạt kẻ hay nói truyện dông dài, thì phải ở lặng 2 ngày, kẻ kiêu ngạo làm việc hèn, như rửa bát, quét nhà, nuôi lợn, kẻ mê ăn thì ngày ấy dạy khi chị em ăn cơm, thì cầm đũa cùng bát cơm, song le khi chị em ăn đoạn, thì mình mới được ăn, kẻ mê ngủ, thì khi đọc kinh thì phạt quì xuống, hay là đứng khi chị em ăn cơm, vân vân.

Song le mù phải liệu sức chị em, chẳng nên dạy sự gì quá sức, như phạt chị em nhịn đói một 2 ngày, là sự chẳng phải, mù cũng phải lo phải khiến kẻ có lỗi, cho được chịu phạt bằng lòng, cho được ích về phần linh hồn, nhất là khi phạt cách nặng. Amen.

Ad majorem Dei gloriam.

Ora pro nobis.

FINIS AMEN

Carolus Cao ký.1

Bác Ga, 20.6.98

&

Chương 3

So sánh và nhận xét hai bản luật trên

~~~~~

Một bản do chính đức cha Lambert de la Motte soạn thảo và ban ra năm 1670. Một bản là do linh mục thông thái Carolus Cao ký. Bản này cũng như bản nọ đã từng giúp những chị em Công Giáo thế hệ ngày trước, tiền nhân của Giáo Hội Việt Nam hôm nay, sống đời nữ tu thánh thiện trên mảnh đất Khổng - Lão - Phật này.

Nay chúng tôi cả lòng làm công việc «so sánh và nhận xét» đây là do tâm tình ao ước được thấy các chị em Mến Thánh Giá Việt Nam luôn luôn phát triển, về bề trong cũng như bề ngoài, ở xứ nhà cũng như ở xứ người, cho danh Chúa cả sáng và con người hạnh phúc hơn. Lòng tôn kính và quý mến của chúng tôi đối với tiền nhân không thể vì công việc này mà giảm thiểu chút nào.

#### 1, Bản ngắn, bản dài : hội nhập hoàn cảnh lịch sử.

Cho dù không biết đọc và cho dù có kém cỏi lắm thì cũng phải đặt câu hỏi này : tại sao bản luật 1670 ngắn mà bản luật thế kỷ 18 lại dài thế ?

Bản 1670, ngoài lá thư khởi đầu và lời tựa ra, gồm có 14 điều. Bản thế kỷ 18, sau lời tựa, là 26 điều. Nếu tạm đem so sánh hai bản lại với nhau, chúng ta sẽ thấy cái giống nhau và cái khác nhau như sau :

| <b>Vấn đề được bàn đến</b>  | <b>Bản năm 1670</b>               | <b>Bản thế kỷ 18</b>                        |
|-----------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------|
| Tâm tình của đấng lập dòng  | Lá thư luân lưu                   | Lời đầu tiên                                |
| Lý do lập dòng              | Hội Mến Thánh Giá Chúa Giêsu Kitô | Đoạn 1 và Đoạn 2                            |
| Mục đích dòng               | Mục đích của hội dòng             | Đoạn 4                                      |
| Ai muốn vào dòng            | Điều thứ nhất                     | Đoạn 3                                      |
| Số người trong dòng         | Điều thứ hai                      | ---                                         |
| Chọn chị bề trên            | Điều thứ ba                       | Đoạn 19                                     |
| Tài sản, vật chất           | Điều thứ bốn                      | Đoạn 17                                     |
| Khi đi ra khỏi nhà          | Điều thứ năm                      | Đoạn 13                                     |
| Công việc làm ăn            | Điều thứ sáu                      | Đoạn 11                                     |
| Khi đi ngủ đêm              | Điều thứ bảy                      | Đoạn 6                                      |
| Câu nguyện và hãm mình      | Điều thứ tám                      | Đoạn 5 và Đoạn 7.1, 7.2, 7.4                |
| Tuần thánh                  | Điều thứ chín                     | Đoạn 7.5, 7.6                               |
| Lễ riêng của dòng           | Điều thứ mười                     | Đoạn 7.7                                    |
| Ăn uống, kiêng thịt         | Điều thứ mười một                 | Đoạn 7.3                                    |
| Ăn chay                     | Điều thứ mười hai                 | Đoạn 7.4                                    |
| Phụ nữ tội lỗi vào dòng     | Điều thứ mười ba                  | Đoạn 4                                      |
| Thánh Giuse quan thầy       | Điều thứ mười bốn                 | Đoạn 7.8                                    |
| Việc tắm rửa                | - / -                             | Đoạn 12                                     |
| Kẻ ốm đau trong dòng        | - / -                             | Đoạn 8                                      |
| Kẻ qua đời trong dòng       | - / -                             | Đoạn 9                                      |
| Việc xưng tội chịu lễ       | - / -                             | Đoạn 10                                     |
| Việc giữ miệng              | - / -                             | Đoạn 14                                     |
| Gửi thư, nhận thư           | - / -                             | Đoạn 15                                     |
| Việc ăn mặc                 | - / -                             | Đoạn 16                                     |
| Khẩn trong dòng             | - / -                             | Đoạn 18                                     |
| Trách nhiệm chị em đứng đầu | - / -                             | Đoạn 20 và Đoạn 21                          |
| Lỗi và hình phạt            | - / -                             | Đoạn 22, Đoạn 23, Đoạn 24, Đoạn 25, Đoạn 26 |

Qua việc đối chiếu trên, chúng ta thấy là :

**a, Về những điểm giống nhau :**

- cả hai bản luật đều ghi giữ lại những lời dạy bảo căn bản của đấng sáng lập, đức cha Lambert de la Motte : tâm tình của ngài trong việc quyết định lập dòng, lý do lập dòng và 5 mục đích của dòng.
- 13 trong số 14 điều trong bản luật năm 1670 đã được bản thế kỷ 18 ghi lại và bàn rộng hơn. Điều duy nhất đã biến mất trong bản sau là điều nói về số người trong một nhà dòng.

**b, Về những điểm khác nhau :**

- Tuy có bàn đến nhiều vấn đề chung, song bản thế kỷ 18 thường nói rộng hơn và cụ thể hơn bản đầu.
- Ít nhất là có tới 10 vấn đề không hề được nói đến trong bản năm 1670, như các lỗi nặng nhẹ và cách phạt, việc thư từ, vân vân.



- Xét về phương diện cụ thể, bản năm 1670 xem ra còn quá đơn sơ, chưa đủ để tổ chức một cộng đoàn trong đó các chị em sống chung với nhau.

Tóm lại, sự khác biệt giữa hai bản luật là do hoàn cảnh cụ thể : bản năm 1670 do đức cha Lambert de la Motte soạn, tinh thần là cốt yếu, việc áp dụng thực tiễn còn hạn hẹp, có thể vì các chị em còn ít ỏi buổi ban đầu. Phần nữa, ngài không sống tại địa phương nên kinh nghiệm cụ thể bị giới hạn; thí dụ, ngài biết đâu mà dạy «chị em đi đàng gặp người nam, nhất là người nhà thầy thì chẳng nên đưa trầu cho» (đoạn 13.12, bản thế kỷ 18).

Với thời gian và nhờ ơn Chúa, dòng thêm đông chị em, do đó có những vấn đề khác phải bàn đến (như việc bầu «bà mẹ, chị á, kẻ giữ việc», chẳng hạn).

Tinh thần thì giống nhau, song cách thức tổ chức nhà dòng thì thay đổi theo hoàn cảnh, thời thế. Đó là nguyên nhân chính cho thấy cái giống và cái khác nhau giữa hai bản luật cách nhau trên 125 năm ấy.

## 2, Sự khôn ngoan trong hai bản luật : «phòng bệnh hơn chữa bệnh».

Bản luật dòng do các đấng chăn dắt Giáo Hội địa phương soạn thảo. Các ngài đã cẩn thận truyền đạt và đặt để những điều khôn ngoan nhằm giúp những thiếu nữ và phụ nữ muốn dâng mình cho Chúa trong đời tu tránh được những nguy hiểm; nhờ đó, họ phát triển được con người mình khi giữ luật lệ nhà dòng.

Sự khôn ngoan mà chúng ta có thể nhìn thấy trước tiên là phương pháp «phòng bệnh hơn chữa bệnh», hoặc nói theo từ «nhà đạo» : «tránh xa cơn cám dỗ» hơn là «giữ mình giữa cơn cám dỗ». «Rơi vào cơn cám dỗ» chưa phải là «tội». Nhưng «giữa cơn cám dỗ» mà «giữ mình đừng phạm tội» thì thật là khó. Bởi vì, «lửa gần rơm lâu ngày cũng bén», người xưa vốn đã từng lưu ý như vậy.

Để hiểu hơn một số luật lệ có tính «bảo vệ» các nữ tu trong hai bản luật trên, chúng ta cần đặt chúng vào hoàn cảnh xã hội thời trước. Một số điều, ngày nay khi đọc lại, có thể chúng ta mỉm cười, coi thường; nhưng vào thời xưa, có lẽ lại là cần thiết. Thí dụ trong bản thế kỷ 18 : «... Khi tắm thì chẳng nên cởi áo quần cùng yếm ra bao giờ, như kẻ khác, ... chị em phải tắm ở nhà, chẳng nên đi tắm ngoài sông...». Đọc qua thì cũng đoán được các phụ nữ Việt Nam thời trước có một thói quen nào đó không mấy thích hợp với các nữ tu. Do đó các chị em được khuyên chẳng nên làm ... «như kẻ khác».

Ngoài vấn đề «nhà thử, nhà tập» ra (bản 1670, điều một; bản thế kỷ 18, đoạn 3), việc chị em không được đi đâu một mình cũng là một điều luật có tính cách khôn ngoan theo nghĩa trên. Đặc biệt, luật lệ quy định cho các phụ nữ «hỏi cải, những con chơi» muốn đi tu phải lập nhà riêng ra, tách khỏi các nữ tu khác, cũng là một mục thước nhiều khôn ngoan.

Và cũng luôn luôn trong sự khôn ngoan theo nghĩa đã trình bày, tất cả những điều mà ngày nay chúng ta gọi là «cấm cách, giới hạn» đã được đặt ra hầu «cẩn thận gìn giữ» các chị em nữ tu khỏi mọi thứ «cám dỗ» hoặc «nguy hiểm» có thể làm lạt vị đời tu của họ.

Ngày nay, phần lớn những điều khôn ngoan cấm kỵ xưa không còn nữa. Trái lại, vì đó, người đi tu hôm nay cần có tinh thần tự nguyện và trưởng thành hơn gấp bội phần.

## 3, Giá trị hiện thực : trong tầm sức con người.

Hiện thực vì không quá tầm sức con người, hai bản luật đề nghị ra một lối sống tu trì thích hợp với phụ nữ Việt Nam.

Một vài tác giả Âu Châu chưa mấy hiểu về đời sống cụ thể dân Việt Nam thì coi là quá khắc khổ, ít nữa là ở hai điểm sau : thức dậy vào lúc 4 giờ sáng, và, kiêng thịt trọn năm, trừ ra đôi ba ngày lễ lớn.

- Nếu họ biết rằng xã hội Việt Nam là một xã hội nông dân, dậy theo tiếng gà gáy và theo mặt trời miền nhiệt đới... thì họ sẽ nhận ra việc dậy vào 4 giờ sáng chỉ là việc theo luật tự nhiên.

- Và nếu họ hiểu rằng trong xã hội Việt Nam, một mặt thì tuyệt đại đa số người dân quê luôn luôn nghèo khổ túng đói, một mặt thì còn có các tu sĩ Phật giáo giữ sự kiêng thịt suốt đời, các nữ tu Công giáo hẳn chẳng nên hoặc sống sang trọng hơn người dân thường hoặc tỏ ra thua kém giới tu sĩ Phật giáo.

Cũng nên biết thêm rằng vào đầu thế kỷ 18, khi địa phận Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng) được trao cho dòng Đa Minh cai quản, các thừa sai Đa Minh đã «dụ dỗ» hay «ép buộc» các chị em Mến Thánh Giá sang dòng Ba Đa Minh. Một trong các điểm mà các thừa sai này đem ra áp dụng là bỏ luật kiêng thịt. Tài liệu lịch sử (năm 1709-1710) tường thuật rất rõ rằng : «Trong khu vực các cha dòng Đa Minh, có ba nhà các nữ tu mà người ta gọi là các chị em Mến Thánh Giá. Tất cả ba nhà đều được lập nên do đức cố giám mục Bêritê khi ngài đến xứ Đàng Ngoài năm 1669. Ba nhà trên nằm trong ba làng lớn, gần như tất cả đều là Công giáo, tức : Kiên Lao, Tru Linh (sic) và Bùi Chu . Các cha Đa Minh lo việc thay đổi các hiến chương của chị em và làm họ nên các «sơ» dòng Thánh Đa Minh, theo như điều người ta báo cáo lại. Cha Jean de Sainte-Croix đã thi hành ý đồ trên đối với nhà dòng nằm trong làng Tru Linh là nơi ngài luôn ở thường xuyên. Cho tới bây giờ, ngài đã thay đổi luật lệ của chị em mà đức cố giám mục Bêritê đã ra cho họ. Ngài đã bãi bỏ cho các chị em luật kiêng thịt là sự chẳng khó giữ gì trong xứ Đàng Ngoài này. Cha Pierre de Sainte Thérèse là người kế nhiệm cha Jean de Sainte-Croix trong chức vụ bề trên các cha Đa Minh và thường xuyên cư ngụ tại làng Kẻ Bùi nói trên, ra sức thi hành cũng một sự ấy đối với các nữ tu tại nơi đó. Và để thành đạt chuyện này, ngài khuyến khích họ ăn thịt. Đôi khi, ngài còn gửi cả thịt thà cho họ mà nói họ có thể yên tâm ăn thịt. Chính các nữ tu của nhà ấy đã báo cáo đến đức cha Auren (tức giám mục Jacques de Bourges). Đức cha đã nói với các chị em rằng họ phải giữ luật lệ mà đáng sáng lập, đức cha Bêritê, đã ra cho họ...». (Adrien Launay : «Histoire de la Mission du Tonkin. Documents historiques, tome I», Maisonneuve, Paris, 1928, trang 462-463). Vấn đề dậy vào lúc 4 giờ sáng hoặc kiêng thịt suốt năm nêu trên giúp chứng tỏ rằng luật lệ dòng Mến Thánh Giá thời đây không phải là một thứ luật lệ «siêu việt», trái lại đây tính hiện thực. Tính hiện thực ấy, chúng ta có thể khám phá ra trong nhiều điểm khác nữa nơi hai bản luật trình bày.

#### 4, Giá trị nhân bản : nghiêm khắc và khoan dung.

Theo cái nhìn ngày hôm nay, phải nhận rằng cả hai bản luật đều còn quá đơn sơ cho một dòng tu. Và có lẽ đối với ai có tính khí khắc khổ và tuyệt đối, họ sẽ phê bình rằng luật dòng còn quá «rộng rãi». Tuy nhiên, ai khiêm tốn chấp nhận con người chưa phải là thần thánh thì sẽ vui mừng đón nhận một luật dòng đầy tính nhân bản, vừa nghiêm khắc khi dạy bảo vừa khoan dung khi sửa trị. Chúng ta hãy lấy một điểm điển hình là việc đánh tội : bản luật năm 1670 dạy chị em phải đánh tội mỗi ngày, còn bản luật thế kỷ 18 thì chỉ dạy làm việc trên vào các ngày thứ sáu, thứ bảy cùng vào mùa chay. Nhưng cả hai bản đều chấp nhận cho nữ tu nào không thể đánh tội được có thể làm một việc nào khác thay thế.

Cũng như giá trị hiện thực mà chúng ta đã bàn qua, giá trị nhân bản của luật dòng được thể hiện nhiều nhất trong sự thể luật dòng tỏ ra thông cảm với tâm sức con người.

Một ví dụ chứng minh khác : đoạn 26 trong bản thế kỷ 18 : nữ tu nào phạm lỗi thì bị trục xuất khỏi nhà dòng «như khi chặt chân tay hư đi kéo hư cả mình». Tuy vậy, «nếu ngày sau kẻ đã phạm sự lỗi rất nặng làm vậy, có ăn năn tội nên, lại xin nài lại vào nhà chị em cho được đền vì tội, thì cũng nên thương một lần mà thôi, kéo mất linh hồn».

Và những lời sau cùng trong bản luật trên thực là những lời đầy tính nhân bản :

«Song le kéo người ấy bỏ lòng trông cậy, cùng bỏ mất linh hồn, một hai khi mù phải cho kẻ có phần nhân đức, đến yên ủi khuyên người ấy ra sức ăn năn tội kéo hư đi mất» (Đoạn 25).

«Song le mù phải liệu sức chị em, chẳng nên dạy sự gì quá sức, như phạt chị em nhịn đói một 2 ngày, là sự chẳng phải. Mụ cũng phải lo phải khiến kẻ có lỗi, cho được chịu phạt bằng lòng, cho được ích về phần linh hồn, nhất là khi phạt cách nặng» (Đoạn 26).

#### 5, Một vài yếu điểm :

Khi phải nêu ra một vài khuyết điểm nào đó nơi hai bản luật ấy, chúng tôi rất ngần ngại. Bởi vì, dòng Mến Thánh Giá là dòng được lập nên và phát triển rất nhanh chóng, vững mạnh, giữa muôn vàn khó khăn : nghèo khổ trong đời sống hằng ngày của các nữ tu và thường xuyên phải chịu sự bóc lột và bách hại do vua chúa, quan lại thời đó gây nên. Điều đó chứng tỏ giá trị thực sự của dòng Mến Thánh Giá, một hội dòng đã được thử luyện qua những trang lịch sử dài, bằng nước mắt và máu đào.

Một vài yếu điểm mà chúng tôi nêu ra sau đây là chỉ dám căn cứ trên bản văn của lề luật và vì không tìm được tài liệu nào khác chứng tỏ ngược lại :

#### a, Bà mẹ uy quyền nhưng cô đơn :

Chúng ta không thể kể tới bản năm 1670 vì còn quá đơn giản về việc tổ chức. Trái lại, bản thế kỷ 18 đã đặt ra nhiều chi tiết giúp tổ chức tập thể hoàn bị hơn. Trong cộng đoàn nữ tu, chị bề trên - mà hồi đó gọi là «mẹ» - giữ một chỗ đứng đặt biệt. Danh từ «mẹ» được lập đi lập lại trong bản văn tới 134 lần (không kể 2 lần nơi danh từ «nhà mẹ»).

«Mẹ» có nhiều quyền bính trong nhà dòng và trên các chị em. Từ chỗ đó, chúng ta thấy thực tế không phải là dễ dàng chút nào cho chị làm «mẹ» : một mình đứng mũi chịu sào đủ thứ chuyện. Ngoài vai trò của «chị ả» (phó bề trên) và «chị giữ việc» (quản lý), sự trợ giúp cho «mẹ» trong việc giữ quyền bính không được nhiều cho mấy.

Trao quyền bính tối cao cho duy nhất một người là điều luôn luôn tế nhị. Họa hiem lắm mới thấy một người có khả năng lãnh đạo xuất chúng. Bằng không, để tránh sự nản chí buông xuôi hoặc độc đoán trong việc xử dụng quyền bính, tốt nhất vẫn là tạo nên vài trò «cố vấn» hay «hội đồng» như thường thấy trong mọi tổ chức tập thể xã hội hôm nay, đạo cũng như đời.

#### b, Thiếu tính tông đồ và rao truyền :

Dòng Mến Thánh Giá là dòng «mở», không phải là dòng «kín». Đó là ý định của ngay đấng lập dòng. «Mở» đây nghĩa là ơn gọi dòng là ơn gọi «truyền giáo» hay «rao giảng Tin Mừng» giữa xã hội con người.

Cứ theo mục đích luật dòng và 5 công tác cơ bản (hay «việc lành») phải thực hiện, thì các nữ tu phải hiện diện thường xuyên ngoài xã hội :

- Công tác cầu nguyện
- Công tác dạy dỗ
- Công tác giúp kẻ liệt
- Công tác rửa tội trẻ nhỏ hấp hối
- Công tác «khuyến khích con chơi»

Tuy nhiên, chúng ta không thấy hai bản luật dòng quy định rõ những điều chị em phải làm, phải giữ liên quan đến những công tác phải thực hiện ngoài nhà dòng, giữa xã hội.

#### c, Không đặt vấn đề học hỏi :

Việc học hành, sách vở được đề cập đến trong luật thế kỷ 18; nhưng việc giáo dục có tính cách đào tạo thường xuyên và cởi mở ra bên ngoài thì không thấy nói đến.

Căn cứ theo hai bản luật thì các chị em không phải là không biết đọc biết viết. Đó đã là một điều rất tiến bộ so với các phụ nữ trong xã hội Việt Nam đương thời rồi.

Bản năm 1670 : «Các chị em làm một giờ suy niệm về một trong các đề tài đã được soạn ra về cuộc Thương khó và Tử nạn của Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta. Bài suy niệm sẽ được chị Bề Trên hay chị nào giữ thay chỗ Bề Trên đọc» (Điều thứ tám).

Hay trong bản thế kỷ 18 : «Những ngày nhất lễ lạy cùng các ngày lễ khác thánh Ighêrêja dạy giữ, thì phải học chữ cho đến gần xét mình trước ăn cơm trưa... Rồi học chữ cho đến tối, ai nín đọc kinh riêng thì cũng nên» (Đoạn 7.2), «Ngày lễ lạy..., cầu nguyện hơn mọi ngày, phải học chữ cho được đủ xem các sách chị em thường đọc» (Đoạn 11), «Phải yên ủi khuyến bảo các nữ tu là sự

liệt cho bằng lòng, phải đọc sách nhất là các sách nói về sự thương khó Đức Chúa Jêsu đã chịu vì chúng tôi» (Đoạn 8).

Chúng ta cũng có thể nghĩ rằng nhờ những buổi đọc sách và suy ngẫm, các nữ tu được học hỏi về đạo lý tôn giáo nơi «các sách chị em thường đọc». Ngoài ra, việc học hỏi thường xuyên về luật dòng đã là điều được chú ý đến :»Ngày lễ khi đã đọc sách phép nhà cho hết, đoạn lại đọc lại» (Đoạn 7.2).

Tuy nhiên, sự đào tạo hay học hỏi nhằm giúp các chị em thích ứng với xã hội bên ngoài thì không được nhắc đến. Mọi sự huấn luyện, dạy dỗ được đề cập tới trong bản luật thế kỷ 18, thì nhắm nhiều tới đàng nhân đức, lo cho chị em sống với nhau trong nhà cho phải phép hơn là giúp các chị em ở giữa xã hội như một kẻ rao giảng Tin Mừng Chúa Kitô. Nói chung, những môn học «đời» chưa được lưu tâm cho đủ. Điểm duy nhất trong chiều hướng này là một điểm ở Đoạn 3 : «Hoặc (ai muốn vào nhà dòng, mà) chưa biết nghề nghiệp gì mà làm ăn, thì mẹ phải dạy nghề nghiệp nào».

#### d, Nguy hiểm trần thế trong việc buôn bán :

Trong bản luật thế kỷ thứ 18, có điểm làm chúng ta hôm nay hơi ngạc nhiên là hình như các nữ tu được phép đi buôn bán, làm thương mại với xã hội bên ngoài :

Đoạn 13.8 : «Chị em chẳng nên bao giờ đi một thuyền vuổi người nhà thầy cả nào, cùng buôn bán gì thì càng chẳng nên, cùng cấm sự ấy ngặt lắm».

Đó là khoản luật cấm nữ tu được buôn bán với giới «thầy giảng», song không nói rõ là có cấm chuyên mua bán đồ đạc với giới không phải là «người nhà thầy cả» chẳng.

Đoạn 16.2 : «Nhưng mà cho vải nào thì dùng vải ấy, chẳng nên đổi, chẳng nên bán, khi chẳng có phép mẹ thì có lỗi».

Cứ theo như trên thì vẫn có sự buôn bán đồ đạc thường tình nào đó với người ngoài dòng.

Về điểm này, chúng tôi thực sự không dám quả quyết, vì thiếu tài liệu rõ ràng. Điều chắc chắn là đáng sáng lập dòng - đức cha Lambert de la Motte - rất nghi kỵ việc các thừa sai gây dơ vào vấn đề thương mại, đồ đạc. Trong bản luật năm 1670, ngài đã dạy các nữ tu : «Tất cả các chị em phải lo làm việc chân tay vào những giờ không phải lo việc phục vụ tha nhân, trừ ra các ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc» (Điều thứ sáu).

Để sinh sống, các nữ tu dòng Mến Thánh Giá hồi đó thường làm ruộng nương, dệt vải, thêu thùa hoặc các đồ thủ công khác mà đem bán ngoài chợ. Đoạn 11 trong luật thế kỷ 18 đã khuyên nữ «chị em phải siêng năng làm ăn : Chị em trong cửa nhà phải ra sức làm việc xác, cho đủ ăn mặc, cùng trả nợ cho người ta... Vậy hễ mọi người sớm mai cầu nguyện đoạn, ai biết nghề nghiệp gì thì phải làm nghề nghiệp ấy».

Một đôi khi, chị em cũng được địa phận và các giáo hữu giúp đỡ tiền của nữa. Do đó, các chị em phải cầu nguyện cho «các kẻ đã làm ơn cho chị em, mà còn sống hay là đã qua đời, xin Đức Chúa Trời trả công cho đời này và đời sau chẳng cùng» (Đoạn 9.3).

#### Lời cuối chương

Chúng tôi chẳng biết cuộc sống tu trì của các chị em dòng Mến Thánh Giá hôm nay ra sao. Sự thực là thế ! Đi trên đường, đôi khi thấy chị này mặc áo dòng đen có «lúp» đội đầu che tóc che tai cứ như các «ma xò» bên Tây thời trước vậy, chị nọ thì mặc thường phục che nắng dưới cánh mũ tai bèo trông như chị bộ đội, chị khác nữa thì mặc áo dài truyền thống Việt Nam... Nhìn thì biết họ là nữ tu rồi. Nhưng biết rồi thì để đấy.

Và khi có dịp đọc hai bản luật xưa của dòng Mến Thánh Giá, chúng tôi thấy hình ảnh các chị em trong đó thật gần gũi với chúng ta, với những con người Việt Nam hằng ngày thời đó. Nghèo khổ nên lo làm lưng sinh nhai cùng với mọi người, mọi gia đình. Ăn mặc cũng yếm cũng quần cũng áo dài như mọi phụ nữ Việt Nam ngày đó. Xung hô thì chị chị em em, ai làm lớn thì được gọi là «bà mẹ», là «chị ả», là «chị giữ việc». Thật bình dị, thật dễ hiểu. Khi bầu bán để đề cử chị em nào



ra giữ việc chung thì cầm lấy hạt đậu mà bỏ vào trong lọ, một hạt đậu quen thuộc của đời sống nông thôn chất phát hiền lành.

Nhìn xa hơn nữa thì chị em là một dòng gọi là dòng địa phận. Bề trên tối cao của các nữ tu ấy là đức «vít-vò» (mà nay chúng ta gọi là «đức giám mục»). Cái hay ở đây là các nữ tu ấy sống và làm việc tại một địa phương nhất định, trong bối cảnh hoàn toàn cụ thể, dưới sự chăn dắt của giám mục địa phương, chủ chốt tại chỗ. Các nữ tu ấy sẽ không bận tâm vì những mệnh lệnh đến từ mãi đâu đâu, thường có ích hay cần thiết cho riêng dòng mình, nhóm mình, hơn là cho cộng đồng tín hữu hoặc xã hội chung quanh mình.

Trong lịch sử Giáo Hội Việt Nam, giữa muôn vàn đau thương vì giới lãnh đạo vua quan kiêu ngạo và kém cỏi, nhờ có hai giới «người nhà thầy cả» một bên và «người nhà mẹ» một bên mà các giám mục, cùng với các cộng tác viên là các linh mục, đã xây dựng nên những cộng đoàn Công giáo khắp nơi cũng như đã rao giảng Lời Chúa cho xã hội Việt Nam.

Vì tin rằng Thiên Chúa đã làm người sống trong trần đời này, vì yêu thương đất nước của ông bà mẹ cha, chúng tôi vẫn thấy những gì là «nhập thể - nhập thế», là «quê hương», thì thật sự đáng quý, cho người Công giáo Việt Nam hôm qua và hôm nay.

*Bác Ga, 3.7.98*

&

## Chương 4 Tu đức học dòng Mến Thánh Giá

<<<<<

«Tu đức học dòng Mến Thánh Giá», một từ ngữ rất đỗi trí thức mà chúng tôi liệu lĩnh sử dụng ra đây, vì nghĩ rằng :

- «Học» (tiếng Pháp : discours, étude; tiếng Việt còn gọi là «luận» : tu đức luận) có nghĩa là bài trình bày có tính tìm hiểu, nghiên cứu, mạch lạc, hợp lý, vân vân.

Dù chẳng thông minh hơn ai cũng chẳng thể nghiên cứu cho đến nơi đến chốn như lòng mong ước, nhưng chúng tôi đã không dám viết tập tài liệu này như kẻ «múa gậy rừng hoang», hay «coi trời bằng vung» trước những đàn anh đàn chị lâu thông chuyện tích dòng Mến Thánh Giá. Xin vì lòng chân thành của chúng tôi mà tha thứ cho chúng tôi muôn điều kém cỏi.

- «Tu đức» (tiếng Pháp : spiritualité) có nghĩa là linh đạo, là con đường dẫn tới sự trọn lành thiêng liêng, là cách thức tu thân sửa mình, là nghệ thuật sống Ở Gọi Kitô hữu của mình và là cách theo chân Chúa Giêsu Kitô.

Nơi đây, lại một lần nữa, xin khoan dung với chúng tôi là kẻ chưa mấy lo «tu thân», còn theo chân người phạm hơn chân Chúa Giêsu Kitô. Nếu chúng tôi cả lòng mà viết về «tu đức học» thì cũng chỉ dám đứng trên phương diện «trí thức lạnh lùng», bàn qua bàn lại đôi chút, chứ không hề dám viết với tư cách làm «gương sáng», làm «sư phụ» hoặc «thầy đời» khuyên bảo ai.

Những dòng đơn sơ sau đây sẽ trình bày cái nhìn cá nhân của chúng tôi về :

- 1- Ba lời khấn, tức thể nào là tinh thần tu sĩ.
- 2- «Mến Thánh Giá», khuynh hướng đặc thù của dòng nữ Việt Nam đầu tiên.
- 3- Năm công tác nền tảng của dòng Mến Thánh Giá.
- 4- Dòng Việt Nam.

### 1, Ba lời khấn dòng.

Cái làm cho chị em Mến Thánh Giá trở nên nữ tu theo truyền thống Kitô giáo là ba lời khấn, quen gọi là ba lời khấn dòng : khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời.



Trong lịch sử Giáo Hội Công giáo, đời sống tu trì với ba lời khấn như trên chỉ thành hình rất muộn màng.

Tuy nhiên, ngay từ buổi ban đầu, đã thấy có những thiếu nữ chọn giữ mình đồng trinh theo lời Phúc Âm : đó là những «kẻ tự hoạn vì Nước Trời» (Mt 19, 12). Các trinh nữ này sống bình thường với các tín hữu khác, cùng tham dự sinh hoạt phụng tự và các sinh hoạt quen thuộc của cộng đoàn Kitô hữu. Mãi sau, Tertullien (160-250) mới gọi các trinh nữ ấy như «hiền thê của Chúa Kitô».

Sang thế kỷ thứ 4, Giáo Hội được bình an, không còn bị bách hại như trước nữa. Vào lúc này, hình thức sống đồng trinh vì Nước Trời dần dần biến mất. Thay vào đó là đời sống «ẩn tu», sống lẻ loi nơi thanh vắng, phát xuất lần đầu tiên tại nước Ai Cập.

Dần dà, lối sống «ẩn tu» giảm xuống nhường chỗ cho lối sống «đơn sĩ», kếp mình trong một tu viện và sống tập thể.

Vào thời kỳ «đơn sĩ» này, đã thấy xuất hiện những dòng tu «kín» của các phụ nữ.

Ba lời khấn dòng phát sinh trong thời gian là do ý muốn của các tín hữu khao khát sống trọn vẹn cho Chúa Kitô, giữ mọi lời Người dạy trong Phúc Âm mà được gom tóm lại trong ba lời khấn nói trên.

Từ khi Giáo Hội được thành lập cho đến lúc ấy, các tín hữu vẫn coi việc chịu tử vì đạo là sự dâng hiến trọn vẹn đời mình cho Chúa Kitô. Nay không còn cảnh bắt đạo nữa, không còn được phúc chịu tử vì đạo nữa, họ đi tìm sống tinh thần «tử vì đạo» qua lối sống dâng hiến trọn vẹn bằng ba lời khấn «khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời».

Tinh thần «tử vì đạo» ấy, hay nói rõ hơn, tinh thần «chết cho chính mình mà sống cho Chúa Kitô», là tinh thần cội gốc của mọi hình thức tu trì đã nảy sinh trong lịch sử Giáo Hội Kitô giáo. Tinh thần triệt để đó đã được thể hiện rất rõ ràng và trung thực trong ý hướng của đấng sáng lập dòng Mến Thánh Giá.

Nơi lá thư gửi cho hai nữ tu Mến Thánh Giá đầu tiên, đức cha Lambert de la Motte đã viết : «... Cha đã có ý viết cho chúng con lời này mà răn bảo chúng con rằng chúng con không còn thuộc về mình nữa, song hoàn toàn thuộc về Chúa Giêsu Kitô. Chúng con đã tận hiến mình cho Người, hầu từ nay trở đi chỉ còn chuyên cần lo hiểu biết Người và yêu mến Người... Các dì thân mến, chúng con thấy đó sự cao sang của ơn gọi chúng con và chúng con đã chết cho thế gian; nghĩa là chết cho các giác quan, bản tính và lý trí con người, để từ nay chỉ còn sống theo những lời dạy, những việc làm và cuộc đời Chúa Giêsu Kitô. Cha xin chúng con hãy cứ suy nghĩ về sự ấy và đừng quên cha trước mặt Thiên Chúa.

Tại cửa biển xứ Đàng Ngoài, ngày 26.2.1670.»

Và trong bản luật đầu tiên của dòng :

«Bởi vì thánh ý của Thiên Chúa khi chết để cứu rỗi loài người là để đòi buộc con người phải chết cho chính mình mà chỉ sống cho duy mình Ngài, theo như giáo huấn của vị đại tông đồ dạy dân thành Côrintô : «Ngài đã chết vì mọi người, để ai sống thì đừng còn sống cho mình nữa, nhưng là cho Đấng đã chết và sống lại vì họ» (2 Cor. 5, 15)...

Điều thứ nhất : Ai là kẻ thấy mình được gọi vào Hội dòng này phải làm ba lời khấn quen thuộc là khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời, và chỉ được chấp nhận sau hai năm thử luyện».

Còn trong bản luật thế kỷ 18, việc khấn dòng trở nên khó khăn và giới hạn hơn, vì trong hoàn cảnh bách đạo, nhà dòng và đời nữ tu trở thành bất bênh. Các chị em chỉ thực sự được khấn ba lời khấn dòng khi đã lớn tuổi; trái lại, một hình thức «dốc lòng» được đề nghị cho các nữ tu khác.

«... ( tôi dốc lòng, hay là tôi khấn ) bấy nhiêu sự sau này :

- một là ở cho khó khăn trọn đời, chẳng lấy của gì làm của riêng tôi,
- hai là giữ mình sạch sẽ trọn đời,

- ba là vâng nhờ chịu lụy Đức vít-vồ (mà) Đức thánh papa cho coi sóc phần linh hồn bốn đạo nước Tụng Kinh này, cùng thầy cả sacerdote nào coi sóc nơi chúng tôi ở, cùng chịu lụy mù tôi, cùng mù ngày sau bề trên cho coi sóc cửa nhà chúng tôi...».

Trong thư đề «Khuyên người nhà mù» viết năm 1792, đức cha Longer cắt nghĩa ba lời khẩn như sau :

«... Thật thì có nhiều ý lành khác, như khi có ý làm việc gì cho khỏi tội được phúc, nhưng mà chẳng có ý nào trọn lành ví cho bằng việc làm cho sáng danh Cha cả, và hợp một ý một lòng với người mọi đảng; bởi đây cho nên Đức Chúa Giêsu phán rằng : Ta bởi trời mà xuống chẳng phải là cho được theo ý riêng ta đâu, song le cho được vâng ý Đức Chúa Cha đã sai ta. Lại có một lần thấy đầy tớ xin người dùng của ăn, thì người phán rằng : Ta có của ăn đã sẵn, mà bay chẳng biết của ăn ấy là thể nào, rồi thấy đầy tớ bàn luận với nhau rằng : Hoặc là có ai đem của ăn cho người chẳng, thì người mới phán tỏ rằng : Ta dùng của ăn này, là là vâng ý Đức Chúa Cha đã sai ta, cho được làm cho trọn. Vậy ta phải vâng ý Cha cả và lấy sự ấy làm vui mừng hơn khi lấy của nuôi xác bội phần. Sau nữa hễ bao giờ đáng bề trên dạy sự gì, dù phải sự khó mặc lòng, cũng phải vâng vì chung vâng ý đáng thay mặt Đức Chúa Trời cũng là vâng lời người. Nhân vì sự ấy các thánh khen phúc vâng lời chịu lụy hơn phúc ở khó khăn sạch sẽ về phần xác, vì chung kẻ ở khó khăn và sạch sẽ thì dâng của thể gian và xác mình cho Đức Chúa Trời mà thôi, song le kẻ vâng lời chịu lụy, thì dâng trí khôn và lòng mình cho Đức Chúa Trời, ấy là của tế lễ đẹp lòng người nghìn trùng...».

Xem thế, chúng ta đã nhận ra rất rõ rằng : tột đỉnh sự trọn lành Phúc Âm là «vâng ý Cha dưới đất cũng như trên trời», theo mẫu mực của Chúa Giêsu. Và trong kinh nghiệm thiêng liêng lâu đời của Giáo Hội, để đạt tới sự trọn lành trên, ba lời khẩn dòng là con đường vững chắc nhất giúp ta đạt tới sự trọn lành Phúc Âm.

## 2- «Mến Thánh Giá», khuynh hướng đặc thù của dòng nữ Việt Nam đầu tiên.

Khi lập dòng mình, Thánh Đa Minh hướng về sự giảng thuyết, Thánh Phan-xi-cô hướng về đời sống bình dị khó khăn, Thánh Vinh-Son hướng về sự giúp đỡ người nghèo, vân vân.

Đức cha Lambert de la Motte khi lập dòng nữ tại Việt Nam, ngài có khuynh hướng thiên về Thánh Giá Chúa Giêsu. Khuynh hướng riêng của ngài đã là ơn gọi đặc biệt chung cho các nữ tu dòng ngài : «... Chúng tôi cảm thấy mình được đưa đẩy đến việc tạo lập, tại các nơi thuộc sứ vụ thừa sai của chúng tôi, một Hội dòng các kẻ Mến Thánh Giá Chúa Giêsu Kitô mà lấy Thánh Giá Chúa làm việc suy niệm suốt cả đời mình cùng mỗi ngày thông phần vào các sự đau khổ của Chúa». Và ngài đã trang trọng viết lên : «Mục đích của Hội dòng này sẽ là hằng ngày làm việc suy niệm các sự thương khó của Chúa Giêsu Kitô, như phương thế hữu ích hơn cả hầu đạt tới sự cảm nghiệm và tình yêu Chúa. Công tác trước hết của những người đã chấp nhận lối sống này là liên li kết hợp những dòng nước mắt mình, những nguyện ngắm mình và những việc đền tội mình vào công nghiệp của Đấng Cứu Thế...».

Nghĩa là : chấp nhận những đau khổ trong đời sống mình với niềm tin rằng những đau khổ ấy có một giá trị siêu nhiên là có thể kết hiệp những đau khổ cá nhân, nhỏ hèn và tục trần của mình với công trình cứu chuộc của Đấng Cứu Thế. Niềm thâm tín tuyệt vời và thần bí đó là ơn gọi rất đặc biệt của đức cha Lambert de la Motte và dòng Mến Thánh Giá. Ai là người trong chúng ta đã dám tin rằng những đau khổ phàm tục, mà lắm khi là do chính khuyết điểm của chúng ta tạo ra, sẽ trở nên công trình cứu chuộc đời đời cho tha nhân, nhờ kết hiệp với Chúa Kitô ?

Đương nhiên, chúng ta hiểu và nhìn nhận rằng đức cha Lambert de la Motte không phải là «tác giả» niềm tin này. Vì đó là lời dạy trong Phúc Âm và sau đó là niềm tin và tư tưởng thần học của Thánh Phaolô tông đồ :

- «Ai muốn theo ta thì hãy bỏ mình mà vác thập giá theo ta» (Mc 9, 34).

- «Tôi chịu trong thân xác tôi những gì còn thiếu trong sự thương khó của Đức Kitô» (Col 1, 24).

- «Tôi sống nhưng không còn là tôi sống, nhưng là Đức Kitô sống trong tôi» (Gal 2, 20).

- Vân vân và vân vân.

Đối với tinh thần truyền thống của dân Việt Nam, quan niệm đời là khổ ải, là đau thương, là bấn loạn... đến từ quan niệm bi quan của nhà Phật và nhà Lão, thể hiện qua những tác phẩm văn chương «Chinh Phụ Ngâm», «Cung Oán Ngâm Khúc», «Đoạn Trường Tân Thanh», v.v..., niềm tin Kitô giáo nơi đức cha Lambert de la Motte và các nữ tu Mến Thánh Giá đã quả thực trở nên một thứ ánh sáng siêu việt giải phóng con người tiêu cực Việt Nam ngày xưa và ngày nay. «Mến Thánh Giá» là khám phá ra giá trị tuyệt vời của đau khổ, hy sinh, hãm mình, ..., rằng đó không phải là thứ ma quỷ nào cản trở cuộc sống con người, song là phương thể hiện thực đưa con người đến chỗ hữu ích đời đời cho tha nhân, là phương thể giải thoát con người khỏi cái vòng lẩn quẩn của cái thuyết luân hồi quay đi quẩn lại mà ma chẳng ra ma, thần chẳng ra thần. Và còn giải thoát con người ích kỷ và hưởng thụ của triết lý Lão Tử và Trang Tử nữa, là thứ lý thuyết đã đưa bao thế hệ con người Việt Nam vào chỗ hưởng thụ, quên tha nhân, quên cộng đồng dân tộc và quên nhân loại.

Niềm tin «mến thánh giá» chẳng hề là một thứ giáo thuyết đề cao sự đau khổ. Trái lại là một niềm xác tín rằng đau khổ là một thực tế, nhưng con người có thể quay trở ngược đau khổ thành hạnh phúc. Mẫu nhiệm «Phục sinh» là thế : là Chúa Giêsu đã đau khổ, đã chịu sỉ nhục trăm bề, đã bị đầy đọa ê chề, nhưng trải qua đó là một Chúa Giêsu sống lại từ đau khổ, từ cõi chết, làm choáng váng những chuyên viên canh giữ mồ của Ngài, canh giữ đau khổ vô cùng của Ngài.

Truyền thống Phật giáo giúp con người Việt Nam không phủ nhận sự đau khổ, đã chấp nhận hiện thực đau khổ, song chẳng bao giờ đề ra được một sự giải thoát trọn vẹn và tuyệt đối về đau khổ. Sống đau khổ ngày hôm nay mà không dám nhìn thẳng vào sự thật hiện sinh, cứ mơ màng một kiếp sau nên tiên nên phật, chẳng còn tính người nữa.

Ơn sủng «Mến Thánh Giá» thực sự là ơn vô cùng đặc thù và riêng biệt của Thiên Chúa không hề tây vị, đã cho con cái ngài nơi mảnh đất Việt Nam. Các nữ tu Mến Thánh Giá đã và đang mang một sứ vụ cực kỳ trọng đại cho xã hội và con người Việt Nam. Xã hội ấy và con người ấy chỉ có thể tiến bộ trong lịch sử nhân loại khi được giải thoát khỏi cái bi quan yếm thế và cái lẩn quẩn của giáo thuyết sinh đi sinh lại, chẳng biết tương lai và tiến bộ là... «đí gì».

Hai bản luật dòng đã giúp các nữ tu sống ơn gọi «Mến Thánh Giá» thế nào ?

Đấng sáng lập dòng đã xác định rõ mục đích của hội dòng là «lấy Thánh Giá Chúa làm việc suy niệm suốt cả đời mình cùng mỗi ngày thông phần vào các sự đau khổ của Chúa... Mục đích của Hội dòng này sẽ là hằng ngày làm việc suy niệm các sự thương khó của Chúa Giêsu Kitô, như phương thể hữu ích hơn cả hầu đạt tới sự cảm nghiệm và tình yêu Chúa. Công tác trước hết của những người đã chấp nhận lối sống này là liên li kết hợp những dòng nước mắt mình, những nguyện ngắm mình và những việc đền tội mình vào công nghiệp của Đấng Cứu Thế».

Từ chỗ đó, nhiều áp dụng đã được ghi trong bản luật đầu tiên :

- nguyện ngắm : «Các chị em làm một giờ suy niệm về một trong các đề tài đã được soạn ra về cuộc Thương khó và Tử nạn của Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta».

- đánh tội : «... Phải đánh tội mà suy tưởng trong lòng các khổ hình mà Con Thiên Chúa đã phải lãnh chịu, cùng dâng sự hy sinh nhỏ mọn ấy cho mục tiêu và thánh ý Chúa khi Người chịu các khổ hình và Ngài cũng muốn chúng ta cùng có chung một mục tiêu và một ý định như Ngài».

- kiêng thịt mọi ngày trong năm và ăn chay vào các ngày đã quy định.

Trong bản luật sau vào thế kỷ 18, việc đánh tội giảm xuống, nhưng sự ăn chay, hãm mình, kiêng thịt, suy ngắm... trong ý hướng kết hiệp cùng Chúa Giêsu chịu thương khó chuộc tội nhân loại thì không hề bị bỏ quên. Hơn nữa, lại còn cho thấy tinh thần «Thánh Giá» bàng bạc khắp trong cuộc sống hằng ngày :

- từ chỗ «khi phải liệt..., vác Câu Rút là sự liệt cho bằng lòng» (Đoạn 8).

- khi làm việc : «... Chị em nhớ sự thương khó Đức Chúa Jêsu đã chịu vì chúng tôi, như sự mồ hôi máu chảy ra, và sự người vác Câu Rút nặng lắm, cho nên chị em chịu khó làm ăn cho bằng lòng» (Đoạn 11).

Sau cùng, phải nói rằng «ơn sung Mến Thánh Giá» là ơn đã thể hiện ra một cách đặc biệt và rất cao độ nơi chính đấng lập dòng : đức cha Lambert de la Motte. Theo lời ngài để lại thì ngài đã ý thức được ơn này ngay từ khi ngài mới lên 5 tuổi 1. Và cả cuộc đời ngài là sự kết hiệp liên li với Thánh Giá Chúa Giêsu Kitô.

Chứng từ của đức cha Louis Laneau về ngài sau khi ngài đã qua đời, như sau : «... Đức cha đã chết đầy những đau khổ. Chúa đã cho ngài cảm nếm đến tận cùng sức nặng của thánh giá Chúa mà suốt đời ngài, ngài đã rất đổi say đắm... Ngài đã phó linh hồn cho Chúa trong tư cách con người đích thực của sự thương khó như ngài đã luôn luôn sống thế vậy, giữa những thánh giá và những nỗi khổ đau, (dù) bên ngoài và bên trong không như nhau, ở mọi nơi mà Thiên Chúa dẫn đưa ngài qua hầu để ngài chết đi trọn vẹn và để biến ngài nên bất khả thông phần vui mừng nào, nói được như thế, vào điều mà Thiên Chúa thực hiện qua ngài».1

Tu sĩ dòng Mến Thánh Giá gương mẫu nhất là chính đức cha Lambert de la Motte !

### 3- Năm công tác nền tảng của dòng Mến Thánh Giá.

Là :

- Công tác cầu nguyện
- Công tác dạy dỗ
- Công tác giúp kẻ liệt
- Công tác rửa tội trẻ nhỏ hấp hối
- Công tác «khuyến những con chơi»

Năm công tác hay năm nhiệm vụ này sẽ là năm sinh hoạt cụ thể cho tất cả các phụ nữ Việt Nam khấn khó nghèo, khiết tịnh, vâng lời và có lòng yêu mến Thánh Giá Chúa Giêsu.

Chúng ta sẽ lần lượt khảo xét từng công tác trên :

**a, Cầu nguyện** : đặc biệt các «Điều thứ tám» (bản 1670) và các «Đoạn 5 và 7» (bản thế kỷ 18) quy định việc cầu nguyện cho các chị em nữ tu. Hình thức tương đối giản dị : nghe đọc sách khi suy ngắm, đọc kinh chung... Các kinh đọc là những kinh mà tín hữu thường đọc trong các nhà thờ xứ đạo thời đó. Cái khác với cộng đồng xứ đạo là thời gian cầu nguyện dài hơn và nhất là việc suy ngắm.

Cầu nguyện nơi các nữ tu Mến Thánh Giá là phương cách hàng đầu để họ đạt mục đích của ơn gọi nhà dòng là kết hiệp với Đấng Cứu Chuộc trên Thánh Giá. Ngoài ra, cũng là phương cách thực hiện bốn công tác sau, có tính rao giảng và cởi mở hơn.

Tuy nhiên, dòng Mến Thánh Giá không phải là dòng «kín», chuyên về cầu nguyện. Trái lại, là một dòng chuyên việc tông đồ, rao giảng ngoài xã hội.

**b, Công tác dạy dỗ** : đây là công tác được quy định rất triệt để ngay từ ban đầu : «Công tác thứ hai là dạy dỗ các thiếu nữ, Ki-tô hữu cũng như ngoại giáo, các điều mà những kẻ cùng phái phải biết. Nếu vì những việc khẩn thiết tại nơi có đạo mà không hoàn thành được công tác trên, các chị em cần nhớ rằng khi họ có thể thực hiện, thì đó là một trong những công việc căn bản của các chị em». Bản luật ghi lại 125 năm sau đó cũng đã không hề quên mệnh lệnh này.

Công tác này không phải là dễ, vì muốn dạy thì phải học trước đã và phải biết dạy, phải có sự phạm. Và công việc dạy dỗ nơi đây không phải là việc «dạy đạo», bởi chung những điều «các thiếu nữ, Kitô hữu cũng như ngoại giáo,... phải biết» thì rất nhiều và rất «đời». (Vì thế, ở chương trước, chúng tôi đã nhận xét là hai bản luật dòng đã «không đặt vấn đề học hỏi» cho các nữ tu).

Công tác này rất hiện thực, nhất là vào những thế kỷ mà sinh hoạt văn hoá Việt Nam còn lệ thuộc vào kiếp Nhà Nho, «nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô». Nữ tu dòng Mến Thánh Giá thực sự đã được kêu gọi trở nên những cô giáo cho giới phụ nữ bình dân, để nâng cao trình độ hiểu biết của họ lên. Phụ nữ Việt Nam đã quá bị bỏ quên vì Nho Giáo của ông Khổng, ông Mạnh và anh em họ Trình «trọng nam khinh nữ».

### c, Công tác giúp kẻ liệt :

Trong truyền thống Kitô giáo, giúp đỡ kẻ ốm đau bệnh hoạn hay gần qua đời là một công việc được đề cao và được thực hành ngay từ thuở đầu tiên. Chúa Giêsu luôn luôn gần gũi với những kẻ yếu đuối phần xác này. Chính Ngài đã coi như «kẻ được chúc phúc» những ai đến giúp đỡ bệnh nhân : «Khi ta bệnh hoạn ốm đau, các người đã đến thăm viếng ta» (Mt 25, 36).

Ngoài lời dạy Phúc Âm đó, việc giúp kẻ liệt trong khuôn khổ luật dòng Mến Thánh Giá, còn mang một chiều kích khác nữa là lương tâm Kitô hữu đòi hỏi ta phải lo phần rỗi đời đời cho tha nhân.

Theo sự tin tưởng của nhiều thần học gia thời đó, ai không được rửa tội thì không thuộc về Giáo Hội, mà ai không thuộc về Giáo Hội thì không được cứu rỗi. Lời dạy quen thuộc thời ấy là :

«Ngoài Giáo Hội, không có ơn cứu rỗi» (Hors de l'Eglise, point de salut). Lời dạy trên thì hoàn toàn đúng cho mọi thời đại, nhưng còn câu hỏi quan hệ đi theo sau : «Giáo Hội» là gì ? - Ở đây, chúng ta không có ý đào sâu vấn đề «Giáo Hội học», chỉ nhận định rằng câu đáp đã thay đổi rất nhiều từ thời công đồng Tri-đen-ti-nô (ảnh hưởng mạnh tại thời lập dòng Mến Thánh Giá) đến thời sau này, công đồng Vaticanô II.

Chính trong thao thức thánh thiện đương thời, đáng lập dòng đã dạy các nữ tu : «Các chị em phải săn sóc các phụ nữ và thiếu nữ bệnh hoạn, hoặc Ki-tô hữu hoặc dân ngoại, hầu dùng đường lối ấy mà dẫn giải họ các sự thuộc phần rỗi và việc trở lại của họ».

### d, Công tác rửa tội trẻ nhỏ hấp hối :

«Công tác thứ tư : các chị em phải lo lắng rửa tội, trong tình trạng cần thiết, các trẻ nhỏ bị nguy cơ chết mất trước khi được lãnh nhận bí tích Thánh tẩy».

Cũng trong thao thức đã trình bày trên, công tác thứ tư này đã được đề ra cho các nữ tu dòng Mến Thánh Giá khi thành lập dòng : phải lo rửa tội mà cứu các linh hồn khỏi sự chết đời đời.

Công tác này nhằm đáp ứng, theo sự hiểu biết của chúng tôi, hai nhu cầu rất cần thiết và thực tế của thời đại.

1, Ngoài xác tín trong lương tâm Kitô hữu rằng phải cứu các linh hồn bằng cách rửa tội cho họ, các nữ tu phải lưu tâm về chuyện đề ra, vì số các linh mục trong địa phận rất ít ỏi. Lấy làm ví dụ nơi đây, con số linh mục của hai năm 1670 và 1700, tại toàn xứ Đàng Ngoài :

- Năm 1670, có được 9 linh mục Việt Nam, 2 thừa sai Pháp và 1 linh mục dòng Tên.

- Năm 1700, có 7 linh mục địa phận (triều) Việt Nam, 4 linh mục dòng Tên người Việt, và các linh mục người Âu Châu là : 3 thừa sai mà 2 là giám mục, 4 linh mục dòng Đa Minh mà 1 là giám mục và 3 linh mục dòng Tên.

2, Nhu cầu thiết thực thứ hai trong công tác này là số trẻ em không sống được không phải là ít, vào thời kỳ mà y khoa và văn minh nói chung còn giới hạn này. Nhu cầu dinh dưỡng, vệ sinh, vãn vãn, chưa tiến bộ như ngày nay, nên khả năng sống nơi những trẻ sơ sinh không được cao, tại gia đình Công giáo cũng như tại gia đình không Công giáo.

Với công tác thứ tư này, các nữ tu đã được coi như phụ tá cho các linh mục, ngang hàng với các thầy giảng thời đó.

### e, Công tác «khuyến những con chơi» :

Xem ra, đáng lập dòng có ý rất rõ muốn các nữ tu lo giới phụ nữ cách đặc biệt, từ chuyện lo dạy dỗ các thiếu nữ đến chuyện sửa sai các phụ nữ sống nghề không xứng đáng. Trong hoàn cảnh «nam nữ thọ thọ bất thân» mà giáo điều Khổng Mạnh đưa ra, công tác thứ năm này không phải là



không hữu dụng : «Sẽ là làm hết sức mình hầu lôi kéo các phụ nữ và thiếu nữ buông thả ra khỏi đời sống xấu xa của họ».

Cũng qua đó, Giáo Hội có thể hiện diện trong mọi tầng lớp xã hội, không phân biệt ai với ai. Tin Mừng là ban chung cho mọi người, Thánh Giá Chúa Giêsu Kitô là để cứu độ mọi người.

So với xã hội Việt Nam thời trước do thuyết Khổng Mạnh soi dẫn, không cho phụ nữ học hành thi cử ra làm việc nước, coi những phụ nữ «xướng ca» là «vô loại»..., tinh thần dòng Mến Thánh Giá nói riêng và tinh thần Kitô giáo nói chung quả đã là một cuộc cách mạng văn hoá, giúp xã hội Việt Nam tiến gần hơn tới quyền bình đẳng và nhất là những nhân quyền căn bản hơn.

#### 4- Dòng Việt Nam.

Nhìn chung lại, khi lập dòng Mến Thánh Giá năm 1670 với năm công tác cụ thể đề ra, đức cha Lambert de la Motte đã có một lập trường rất hiện đại, nói được là khá «cách mạng», đối với xã hội Việt Nam cũng như trong lòng Giáo Hội Công giáo.

##### a, Đối với xã hội Việt Nam,

lập dòng nữ Mến Thánh Giá là nhìn nhận và đề cao phụ nữ. Cho tới lúc đó, theo hiểu biết riêng, chúng tôi chưa hề thấy tại Việt Nam có một tổ chức nào cho phụ nữ và cần phụ nữ như cộng đoàn dòng nữ này.

Chỉ riêng lời khấn khiết tịnh cũng đã là một tiến bộ rất lớn trong một xã hội đa thê đa thiếp do ba thuyết Khổng, Lão và Phật dung dưỡng, nhìn về phía các phụ nữ. Chỗ đứng của phụ nữ trong Giáo Hội - là một thứ xã hội đạo đức, không có tính chất chính trị - được khẳng định rõ ràng.

Thực là một thách thức cho xã hội chính trị và văn hoá Việt Nam của vua quan thời ấy.

Việc lập dòng nữ như trên chỉ có thể đem lại cho người Việt Nam những lợi ích tinh thần và xã hội lớn lao.

Một thí dụ : chúa Đàng Trong, Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), rất sùng đạo Phật, khi qua đời lúc 50 tuổi, đã để lại cả trai lẫn gái là 146 người con. Hãy thử hỏi ông đã có bao nhiêu vợ và bao nhiêu thê thiếp : ông đã giữ bổn phận làm chồng như thế nào ? - Và trước 146 người con, ông đã có thể chu toàn bổn phận làm cha như thế nào ? Có lẽ cũng chỉ là một kẻ ăn chơi, ích kỷ và vô trách nhiệm gia đình một cách tầm thường vậy thôi.

##### b, Trong lòng Giáo Hội Công giáo,

Dòng Mến Thánh Giá đã được lập, không phải như một thứ dòng nữ quen thuộc, thịnh hành trong Giáo Hội bên Tây phương.

Các dòng nữ từ khi xuất hiện trong lịch sử Giáo Hội vào thế kỷ thứ 4 cho đến thế kỷ thứ 17 bên Tây Phương là những dòng quy tụ nữ tu trong «nội cấm», chuyên về nguyện ngắm. Các nữ tu không được phép ra ngoài xã hội, phải tránh mọi «nguy cơ thế tục». Họ được phép tiếp xúc và giúp đỡ người đời, nhưng những người đời nào cần đến họ thì phải vào nhà dòng mà tìm gặp gỡ các nữ tu.

Năm 1610 tại Pháp, goá phụ Chantal dưới sự hướng dẫn của Thánh Phanxicô đệ Salê đã lập một dòng nữ có sắc thái rất mới mẻ : các nữ tu vừa ở trong tu viện lo nguyện ngắm, vừa ra đời lo thăm viếng giúp đỡ kẻ liệt và người nghèo. Dòng nữ đó ban đầu gọi tên là «Dòng Thiếu nữ Thánh Mát-ta», sau đổi thành «Dòng Đức Mẹ Thăm Viếng». Dòng phát triển rất mạnh. Nhưng đức cha địa phận Lyon - giám mục Marquemont - coi kiểu tu trì như thế là gương mù gương xấu nên buộc các nữ tu phải khép mình trong dòng, không cho ra ngoài xã hội nữa.

Năm 1670, đức cha Lambert de la Motte đã lập dòng nữ tại Đàng Ngoài cũng tựa như Dòng Đức Mẹ Thăm Viếng tại Pháp, cho dù dòng này đã bị giám mục thành Lyon (tại Pháp) chê trách.

Qua trình bày trên, phải nhận là dòng Mến Thánh Giá với khuynh hướng tông đồ và từ thiện xã hội đã là một dòng «cấp tiến» vào lúc ra đời, ngay trong lòng Giáo Hội.

Với khuynh hướng mới mẻ như trên, dòng Mến Thánh Giá có khả năng đáp ứng nhu cầu của Giáo Hội Việt Nam đương thời là còn phải rao truyền Phúc Âm rất nhiều. Nói theo từ quen thuộc,

đây là dòng truyền giáo, không phải là dòng chiêm niệm. Việt Nam ở thế kỷ 17 là xứ hoàn toàn «truyền giáo», tính cách Việt Nam của dòng theo hiến pháp thành lập lại càng được thể hiện ra hơn nữa.

Lúc đó, nhu cầu Việt Nam là thành lập được một Giáo Hội phẩm trật, khởi sự bằng cách có các linh mục và giám mục người bản xứ, theo chủ trương của Thánh bộ Truyền bá Đức tin tại Rôma. Do đó, đức cha Lambert de la Motte và các thừa sai người Pháp đã được sai sang Việt Nam. Với ý thức trách nhiệm mình, đức cha đã lập dòng nữ đầu tiên tại Việt Nam là để củng cố và phát triển đời sống Kitô giáo địa phương. Ôn gọi của dòng Mến Thánh Giá là vì đời sống Giáo Hội địa phương.

Sau này, dòng Mến Thánh Giá Việt Nam bị Tây phương hoá và mang khuynh hướng Tây phương hoá vì hoàn cảnh lịch sử và mặc cảm tự ty. Nhưng nền tảng của dòng vẫn là Việt Nam và là rao truyền Phúc Âm.

Nếp tu và việc tu của các nữ tu Mến Thánh Giá là thế : ngoài ba lời khấn dòng ra, giá trị của Thánh Giá với những việc làm cụ thể («5 công tác của nữ tu»), cho dân Việt Nam. Đó phải chăng là con đường nên thánh cho những ai gia nhập dòng Mến Thánh Giá của đức cha Lambert de la Motte.

*Bác Ga, 7.1998*

&

### Lời cuối Tinh thần và tổ chức

<<<<<

Lời cuối hay lời đầu cũng chỉ là một lời, để diễn đạt một tư tưởng duy nhất.

Vậy nên chúng tôi đi tìm lại hình ảnh một con suối nước :

suối có nguồn nước và có dòng nước.

Dòng suối nước thì thay thay đổi đổi,

nhưng nguồn suối nước thì vẫn chỉ là một, như cũ, không hề thay đổi.

Dòng Mến Thánh Giá cũng như một con suối nước, có nguồn và có dòng. Có cái gì đó thay đổi và có cái gì đó không bao giờ thay đổi.

Đọc qua hai bản luật đã xa xưa của dòng Mến Thánh Giá xứ Đàng Ngoài, chúng tôi vui mừng nhận thấy tinh thần «Mến Thánh Giá» thật vững chắc. Tinh thần đó được bảo tồn, được duy trì qua mọi thay đổi và qua mọi xáo trộn trong xã hội cũng như trong Giáo Hội tại địa phương. Về mặt chính trị và xã hội, năm 1786 là năm cuối cùng của thời chúa Trịnh tại xứ Đàng Ngoài (Trịnh Bồng). Tiếp đó là ngày tàn của triều đình nhà Lê với Lê Chiêu Thống (1788), nhường chỗ cho anh em nhà Tây Sơn (Nguyễn Huệ, rồi Nguyễn Quang-Toản).

Trong lòng Giáo Hội xứ Đàng Ngoài, những bất đồng, đối chọi... ngay trong hàng thừa sai với nhau không phải là nhỏ : một bên là các thừa sai người Pháp được Tòa Thánh sai đi, một bên là các tu sĩ dòng Tên được triều đình Bồ Đào Nha hậu thuẫn, chưa kể đến các tu sĩ dòng Đa Minh được quyền trông coi địa phận Đàng Ngoài nữa.

Thế nhưng, dòng Mến Thánh Giá vẫn gìn giữ được tinh thần riêng của dòng mình; nói một cách chính chắn hơn, đã theo đúng được ơn gọi dòng mình.

Từ bản luật do đức cha sáng lập dòng đưa ra cho đến bản luật mang tên Carolus Cao, đã có trên 125 năm, song chúng ta thấy vẫn là một tinh thần, (tinh thần mà chúng tôi đã trình bày ít nhiều nơi chương 4 của tập tài liệu này).

Điều khẳng định rõ rệt hơn nữa là bản luật được in năm 1907 tại nhà in Kê Sở (tựa đề «Phép nhà Chị em Mên Câu Rút Đức Chúa Jêsu») cũng vẫn giữ nguyên vẹn được tinh thần đó, được ơn gọi «Mên Thánh Giá» đó : từ năm thành lập dòng (1670) đến năm 1907 ấy, là 237 năm, là hai thế kỷ và 37 năm. Thời gian dài thực dài đem theo biết bao là xáo trộn, đổi thay, song «nguồn suối nước» vẫn chỉ là một, như cũ, không hề thay đổi.

Nhờ «nguồn» không cạn, «dòng» vẫn trôi.

Cái «nguồn» ấy là ân sủng Thiên Chúa ban : ơn gọi Mên Thánh Giá.

Ơn gọi Mên Thánh Giá ấy đã thúc đẩy đức cha Lambert de la Motte lập nên một hội dòng nữ đầu tiên tại Việt Nam.

Cũng ơn gọi ấy, đến từ Thiên Chúa, đã thúc đẩy biết bao nhiêu phụ nữ Việt Nam từ đó đến nay gia nhập vào đời tận hiến cho Chúa Kitô.

Những cộng đoàn nữ tu đã được thành hình, đã được tổ chức, để sống ơn gọi Mên Thánh Giá. Tổ chức đời tu và tổ chức cộng đoàn thay đổi theo hoàn cảnh, theo văn hoá mỗi thời đại. Hoàn cảnh đôi khi thật nghiệt ngã đến nỗi các giám mục đã không dám cho chị em khấn hứa dễ dàng, chỉ cho họ làm «lời dốc lòng», như chúng ta đã thấy.

Nhưng, các cách thức tổ chức đời tu «Mên Thánh Giá» đó là chuyện phụ thuộc vào tinh thần «Mên Thánh Giá». Tinh thần mới là nền tảng. Việc tổ chức trên và ngay cả những luật lệ nhà dòng, cho dù rất quan hệ, song chỉ có một mục đích duy nhất là giúp nữ tu sống tràn đầy tinh thần Mên Thánh Giá của mình.

Tinh thần hay ơn gọi thì như «rượu mới», mà tổ chức cùng luật lệ thì như «bầu đựng rượu».

«Rượu mới» mà đem chứa trong «bầu cũ» thì chắc chắn là «rượu» sẽ đổ mất.

Kẻ vụ luật thì lúc nào cũng sống như xác không hồn.

Ngày xa xưa đó đã qua rồi.

Hôm nay, tinh thần Mên Thánh Giá đó cần phải có tổ chức như thế nào, luật lệ nhà dòng như thế nào, để các nữ tu phát triển toàn vẹn và hạnh phúc với ơn gọi mà Thiên Chúa đã thương yêu mà ban riêng cho họ ?

Đó là một câu hỏi, một thách đố !

Việt Nam hôm nay vẫn còn đang tìm tiến tới sự bình đẳng nam nữ, tìm xây dựng đời sống con người với những quyền làm người căn bản, tìm vượt thoát khỏi cảnh nghèo khổ, nắm vững được vấn đề sinh sản...

Lại một câu hỏi, một thách đố cho kẻ rao giảng tình yêu và sự sống !

Và Giáo Hội Công giáo Việt Nam còn phải hội nhập vào văn hoá quê hương nhiều lắm, để đừng «ngoại lai», đừng bị «Tây phương hóa»...

Lại thêm một câu hỏi, một thách đố !

Xin ơn Chúa đã ban cho quê hương Việt Nam là ơn «Mên Thánh Giá» được thành hiện thực hơn nữa.

*Bác Ga.*

*Juillet 1998.*

<< & >>

<<<<<